

DUY-MA KINH LƯỢC SỚ THÙY DỤ KÝ

QUYỂN 3

“Hai...” là tùy văn giải nghĩa, Lược khen hai lợi ích tiếng và hình, Phân khoa. “Trước lại...” là tùy giải thích, có hai: a”, Khen lợi ích về hình, có hai: a] Phân khoa đoán trước, Đại kinh trở đi, đoán trước, Dẫn Đại kinh: Cũng sắc không phải sắc, là hiển bày việc Phật tánh không lìa sắc tâm không phải sắc tức tâm. Thân Kim cang, là Ứng thể tức pháp Không thể hủy hoại. 2’, “Nay trước...” là phối nghĩa nay. Trước nói nay khen mắt Tịnh nhiếp thân Kim cang. Khen hơn nhiếp kém, là ngài Kinh Khê nói chuẩn Phàm mà khen Thánh mà thôi, hướng tướng Ứng thân giáo môn tự phân chia. Cho nên trong Thánh tướng không gì bằng lông mày và búi tóc. Nay từ mắt mà nói nên nói là Thắng nhãn. Hướng nhãn lại đủ năm từ tên mà càng vượt trội vả khen lấy theo hình là kém. Kế từ “Lực vô...” là nói. Nay khen tâm tịnh nhiếp lực vô úy. “Nêu ...” là Tổng kết cốt yếu. “Mắt...” là tùy văn giải nghĩa, Khen công đức sắc, sự giải thích, Giải thích chung, Chánh giải thích: Can Bi..., Bạch Hổ Thông nói: Gan liên hệ với mắt, phổi liên hệ với mũi, tim liên hệ với miệng, tỳ liên hệ lưỡi, thận liên hệ tai. Nay lại chuẩn ở phàm mà định Thánh. Khi phàm phu buồn thương thì bên trong tất động ở gan, sau đó thì trong mắt ứa lệ. Cho nên nói gan buồn thương thì mắt nhỏ lệ. Ngài Kinh Khê nói: Như Lai tức vì lợi vật mà biểu thị Bi (thương). Lợi tất ở trí, nên mắt biểu thị cho trí, gan biểu thị cho định. Trí động định dụng cũng như gan buồn thương thì mắt nhỏ lệ. Đại luận..., ngài Kinh Khê nói: Bi đã sinh ở trí, trí do ở định. Khi định dụng tức Bi trí dụng vậy. Gan buồn thương (Bi) thì mắt nhỏ lệ, so ra có thể biết.

Giải nghi, có hai: a, Hỏi. Ngài Kinh Khê nói: Đã tìm Thắng ứng để được Pháp thân, Thắng ứng có tướng, Pháp thân há không có ư? b, Đáp, Chính nói về mắt. Ngài Kinh Khê nói: Ý đáp mắt Phật đã là thể của bốn mắt, bốn mắt tức là tướng Pháp thân, cho nên khiến tìm tướng thấy vô tướng. Hướng là tướng vô tướng là hơn hết trong các tướng. Cho nên dẫn kinh Pháp Hoa tức là sự ấy. “Ngoài ra...” là nêu các tướng khác.

Chứng thành. Ngài Kinh Khê nói: Ý Pháp Hoa, thì Phật đủ năm nhãn, bốn không riêng lập, cho nên ba mươi hai là tướng Pháp thân. “Ta nay thân này” tức là Pháp thân. Tức là ở đây vậy. “Nhưng mắt...” là giải thích riêng, có hai: a, Chung bày lược bớt, chung bày năm nhãn, là căn cứ ụng giải thích tướng. Lại hay song chiếu đến sự lý: Ngài Kinh Khê nói: Cho nên biết năm nhãn chỉ là thể dụng mà thôi. Nếu từ tu Quán thì nhục nhãn ở đầu. Nay từ khen Phật nên thể dụng đồng lúc. “Căn cứ giáo...” là nếu ước vào Đương giáo thì mỗi thứ đều có năm nhãn, như đã thường luận. Nếu lấy Thiên viên đối đãi nhau mà nói chung, thì chỉ Viên là có Phật nhãn, Biệt giáo có pháp nhãn, thông giáo BỒ-tát có Tuệ nhãn, tạng giáo BỒ-tát có hai nhục nhãn và Thiên nhãn. Nếu căn cứ ở Nhị thừa thì hai giáo đều được tuệ nhãn. Nếu luận về ý Viên thì một tâm ba Đế, tức đủ năm nhãn. Chiếu tâm, nhân duyên sinh pháp tức nhục và Thiên nhãn. Chân đế là Tuệ nhãn, Tục đế là pháp nhãn, Trung đế là Phật nhãn. Ba Đế đã không dọc ngang thì năm nhãn đâu lại sai khác. Kinh Khê nói đó chỉ là thể dụng. Lời nói này có chứng cứ. Ấy là Phật nhãn là thể, bốn nhãn kia là dụng. Thể dụng không hai, giữa và một bên nhất như. Bốn giáo chung riêng tốt nhất là ở trung. Lục tức xét chọn, cao thấp thường chia.

“Kim Cang ...” là dẫn kinh làm chứng: Đủ ở trong một nhãn mà đủ dụng khắp năm nhãn. Cho nên biết năm nhãn không thể phân bày. “Nay Bảo ...” là lược nêu văn kinh. Trong văn, trước nêu pháp. Kế “Như thanh...” là nêu dụ. “Nay lược...” là riêng nói về nêu giải thích, Nêu giải văn kinh, rộng ước Biệt Viên. Ngài Kinh Khê nói: Ở giải thích chung trước, tất cả đều trừ rớt ráo mà phán quyết, cho nên nói cùng nguồn và biến khắp pháp giới. Nay từ Biệt mà nói nên phân năm thứ khác nhau. Tuy năm thứ sai khác, nhưng giáo phần lại thuộc Biệt Viên. Vì sao biết được. Vì nhục nhãn thấy được trời Hữu đảnh, Tuệ nhãn ngoại giới có thể phá được kiến tư nội ngoại. Đã có thể vượt qua ba thừa của hai giáo. Nghiệm thì biết nghĩa ở Biệt Viên giáo. Chỉ có Viên là không phải. Riêng nói năm dụng chỉ có Biệt là không phải. Thiên và Tuệ nhãn thông suốt cả bên ngoài. Chỉ vì khiến năm tướng riêng biệt nên ở trong Viên mà gồm nói Biệt.

Nhân thiên mà lìa cái, tức lìa năm cái. Bốn đại tạo sắc, tức bốn Đại là Sở tạo “được tạo), bốn vi là Năng tạo “hay tạo), dùng bốn vi hòa hợp tạo thành bốn Đại, gọi là bốn Đại tạo sắc.

Hỏi: Nghĩa Vi có thể biết, còn nghĩa Đại thế nào?

Đáp: Địa thủy hỏa phong khắp nơi đều có, nên gọi là Đại. Đại tức

có nghĩa cùng khắp. Đại luận quyển năm mươi bảy có nói: Như Phật nói bốn Đại Không nơi nào không có, nên gọi là Đại.

“Hai tạng ...” là lược bày Tạng, Thông. Ngài Kinh Khê nói: Chánh dùng Biệt Viên gồm thâu ở trước. Kế mới dùng hình mà chê thông tạng. Biệt Viên chỉ thành thứ lớp mà không có thứ lớp ở Biệt. Tạng, Thông chỉ có bốn nghĩa mà lập năm, hướng lại nương thiền nương chân không đồng, đầy đủ như trong Pháp Hoa Sở Ký phần A-na-luật có nói rõ. “hỏi...” là giải nghi nêu chứng riêng. Quán giải. Ngài Kinh Khê nói: Đã nói một tâm thì năm không phải khác, không khác mà khác, tạm thuộc đối đãi. Cho nên đây nên nói chỉ cảnh thô tế tức là Trung đạo.

Khen công đức tâm, sự giải thích, Giải thích chung. Giải thích chung phải dùng nhân duyên. Giải thích riêng là ước giáo. Trên dưới phân khoa nhiều như thế. song đối quán giải ...” tức trong bốn giải thích chỉ thiếu bốn tích, hoặc lập theo thời nghĩa.

Trước là giải thích chung, trong văn, trước giải thích tâm tịnh, kế trong giải thích về Dĩ độ thì trước lựa bỏ khác với thông. Trước nói nghĩa lập chỉ có thông. “Đại kinh...” là dẫn thông mà hỏi Biệt. Kế, “nay căn cứ ...” là chỉ Biệt. Nhân quả cách biệt dùng làm mất Dĩ độ. Nếu từ nghĩa thông tâm Phật gọi là thiền, thì không thể vượt quá.

“Hỏi...” là giải nghi. Ngài Kinh Khê nói: Kế từ hỏi Biệt mà theo nhân, do đó đã có quả chung, việc gì phải lập nhân.

Đáp: Trong phần dẫn luận Đại Trí cho đến Niết-bàn đều chứng theo nhân, thì nhân quả mỗi thứ đều có văn. Và lại dẫn tên phiên dịch mà giúp nghĩa theo nhân. Cho nên bỏ lời ác, nhất định không chỉ có quả.

“Căn cứ giáo...” là giải thích riêng, có hai: a, Về Tạng, Thông. Ngài Kinh Khê nói: Tam tạng giáo cũng nói: Lìa hẳn pháp ái, pháp ái là tiếng chung. Trong đây chỉ là đối với thiền mà lìa ái, nhưng Đương giáo thì Phật đối với thiền rất tự tại, nên nói lìa ái. Do đó La-hán chỉ nói siêu xuất siêu nhập địa ngục. Song luận về tự tại cũng không bằng Phật. Và nay căn cứ ở giáo, là đều phụ vào văn trước nghĩa phụ theo nhân. Phật không còn đoạn nên nói là tự tại cho đến dứt hết vô minh... tức đối nghĩa “Dĩ độ” thuận tiện. Lại trong Tạng, Thông tiếng “Nhất thời” (một thuở nọ) chỉ dựa vào chân đế của Đương giáo mà nói. Về Biệt Viên, ngài Kinh Khê nói: Nghĩa chín thiền của Biệt Viên cần phải căn cứ Vị mà phân biệt, cho nên biết: Tên đồng mà nghĩa rất khác. Do đó hai giáo đều có Trùng huyền cho đến chân duyên, nếu không ước vị mà nêu, thì do đâu có thể phán quyết. Văn có hai: a, Dẫn kinh Địa Trì

để nói về chín thứ Đại thiên:

1. Tự tại.
2. Nhất thiết.
3. Nan.
4. Nhất thiết môn.
5. Thiện nhân.
6. Nhất thiết hạnh.
7. Trừ não.
8. Thử thế tha thế lạc.
9. Thanh tịnh thanh tịnh thiên.

Sẽ giải thích tường tận danh nghĩa như thứ lớp pháp giới ở cuối quyển.

Bồ-tát y thứ chín..., tức Đẳng giác hậu tâm nhập thiên này. Được quả Bồ-đề vượt khỏi thanh tịnh, là quả Bồ-đề tức tâm Phật. Tâm Phật không mê hoặc, vượt trên Đẳng giác. Nên nói vượt khỏi thanh tịnh. Thanh tịnh tức là thiên tứ chín. “Đây căn cứ ...” là nêu chung thứ vị của chín thiên. Địa tiên tu tự tánh, ngài Kinh Khê nói: Chưa nhập vào Sơ địa, chưa đủ Phật pháp, chưa gọi là Nhất thiết thiên đang ở vị biệt tu nên gọi là Tự tánh.

Phật quả ra khỏi quả, tức tâm Phật vượt khỏi chín thiên, nên có hai Viên, Chánh giải thích, dựa theo Biệt mà nói Viên. Lại dùng Tự tánh ở phàm, còn tám thứ kia ở Thánh.

Rốt ráo lìa hư vọng, Sơ trụ này được một phần rốt ráo, không phải là quả cùng cực rốt ráo. Hiện bày tâm tự tánh thanh tịnh, thì vốn đủ tam thiên ở đây hiển một phần. Khi đã đủ Phật pháp thì gọi Nhất thiết thiên.

Dẫn chứng, Dẫn kinh Quang Minh chứng thành Như Lai hiển trí Năng du, vô lượng thậm thâm là lý Sở du. Ngang khắp pháp giới, nên là vô lượng. Đọc suốt ba Đế nên là Thậm thâm. Từ “Quá chư ...” là hiển bày Phật tâm cảnh trí vượt khỏi chín thiên. Dẫn kinh Anh Lạc để chê lầm: - Tập hợp chúng tám thiên, tức Tự tánh thiên cho đến Thử thế tha thế thiên, tức là tập hợp Địa tiên, Địa thượng Bồ-tát. Xưa tại thời Hoa Nghiêm..., ngài Kinh Khê nói: Nói “Xưa” là một nhà năm thời đều có kết giáo, vì kinh Anh Lạc mà kết Phương đẳng. Cho nên chỉ kinh Hoa nghiêm cho là xưa, cũng còn ngăn cách Lộc uyển Anh lạc ở sau, đạo lý tất như thế. Cho nên biết các giải thích khác chỉ tám thiên không thành, vì nghĩa xưa chưa đầy đủ. Quán giải, ngài Kinh Khê nói: Trong quán tâm lấy lý Bản hữu, gọi là tâm tịnh, hay Quán lý này được tên là Dĩ độ,

cho nên tiếng “Các thiền” là gồm nhiếp Địa tiền của Biệt và hai giáo trước.

Khen lợi ích về tiếng, Chánh giải thích ích lợi của hình và tiếng. Ngài Kinh Khê nói: Chuẩn theo khai chương trước, nay chỉ hợp lại gọi là tiếng... nay thêm hình, vì hình chưa hẳn là tiếng, mà tiếng ắt phải có hình. Khai chương thì theo riêng mà giải nghĩa thì theo chung. Hướng lại kinh văn nói Cửu tích tịnh nghiệp “Xưa chứa lâu tịnh nghiệp) cho đến dẫn dắt các nghĩa gồm cả thân khẩu, nên được cùng nói. Trong văn trước giải thích bốn chữ “Cửu tích tịnh nghiệp). Ngài Kinh Khê nói: Trong văn cùng dựa theo hai quả thân tâm, tức hai nghiệp cùng thành mới đầy đủ tướng tốt. Vô úy... thần thông tướng hảo là quả thân, lia cấu xứng lý là quả tâm. Kế, “ngoại xứng...” là giải thích ba chữ một câu sau. Từ ngoại xứng đến căn duyên là giải thích khen vô lượng. Từ năng ư đến dĩ tịch là giải thích dùng vắng lặng dùng chung để dẫn dắt chúng. Dùng bốn Tất-đàn dẫn chúng đến tịch diệt, cho nên số văn dùng chữ “Dĩ Liễu” là lầm “Hình thanh...” là giải thích. Nên Khể Thủ Thượng Thư nói: Chắp tay cúi đầu lạy. Khổng An Quốc nói: Bái thủ là đầu đến tay, khể thủ là đầu đến đất. “Lại giải...” là dùng Chủng trí dẫn dắt các hạnh đến quả rồi dừng nghỉ, nên nói đã vắng lặng. Đến đây thì mới dùng được chữ “dĩ liễu”. Ngài Kinh Khê nói: Đoán giải thích lại việc dẫn dắt chúng hướng về là tự hành thích. Câu trên phần trước là Tự hành, phần sau là ước hóa tha. Câu này trước là ước hóa tha, sau là căn cứ tự hành, tự tha cũng nhờ nhau vậy.

“Câu trên...” là kết giải thích. Câu trên tức là “Cửu tích tịnh nghiệp”. Câu dưới là “Đạo chúng dĩ tịch”. Ngài Kinh Khê nói: Giải đã bày thành tướng. Lại trong phần lợi ích của hình trên thì gồm nêu tâm đức để hiển bày hình. Cho nên biết lợi ích của tiếng cũng nương vào tâm. Nên dùng sắc để giải thích sắc, lấy tâm để giải thích tâm. Tiếng từ miệng ba luân đầy đủ. Cho nên biết vì hay dẫn dắt chúng chỉ chuyên ở tâm, nên dùng hai nghĩa để giải thích hai chữ. Nếu đây dùng chữ “) chữ “) hưởng xuống. Vì là dĩ tịch nên là cúi đầu. Nếu đây dùng chữ, chữ hưởng lên, thì gọi là dắt dẫn chúng đã xong.

Khen rộng về hai lợi ích của hình tiếng, có hai: a, Phân khoa. b, “Ký...” là tùy giải thích, Rộng khen lợi ích của hình, Giải thích khen dụng của sắc tâm, có hai: Giải thích khen dụng của sắc, Khen sắc dụng thần biến: Từ “là Sắc tâm đến ư sắc” ngài Kinh Khê nói song thần thông biến hóa đó ở tất cả đầy đủ như Chỉ Quán Ký giải thích các thứ thần biến. Nay lại từ Sở Biến mà giải thích theo Sự. Đã dẫn tất cả đều

ở thứ sắc mà làm thân biến, đầu lại ngăn cách ở tâm mới được gọi là tất cả pháp thứ. Vì thứ thân biến này có gốc Pháp thân nên thế.

Hỏi: Nay phải khen độ “cõi nước), vì sao lại khen hình?

Đáp: Hình tất nương độ, nghiệm Chánh báo tất biết Y báo, hưởng là sự hình như la cách mà theo lý tất đồng, nương sự hình như khác mà lý thì không hai.

Giải thích sắc dụng một hàng giải thích thành sắc dụng, nếu dựa vào Văn kinh thì tiếng “chư Phật nói pháp” hình như nói về lợi ích của tiếng, sao lại bảo là dụng của sắc? Nên ngài Kinh Khê nói: nói sắc tâm, thì tiếng cũng thuộc sắc, hưởng nêu lời nói mà nghiệm ra hình, thì hình đó mới là thật. Nếu không suy nghiệm lời nói thì sẽ lẫn lộn với ngoại ma.

Hỏi: Nghe Phật nói pháp bèn là lợi ích của tiếng, sao lại gọi là hình ?

Đáp: Hình và tiếng cần phải từ Hóa chủ, nay chỉ là việc hóa độ mà hiện ra hưởng lại thấy Phật và Phật nói pháp đều thuộc sắc, hưởng nữa lại nói pháp là dụng của sắc. Cho nên có thể giải thích là sắc.

Từ “nếu không phải Phật ...” giải thích về tướng được ích lợi, không phải nói hình tiếng. Hỏi đây...” : Là ngài Kinh Khê nói: Đây đã hiện cõi lại đích thân hiện cõi, sao còn gọi là nguyên do. Nguyên do chỉ là Chánh báo sao lại phân xa gần. Trong đáp ý nói: Song bài tụng này trước khen nguyên do, kế tụng nêu biểu hiện, nên không thể lấy nguyên do làm biểu hiện. Nên ở trong đáp liền phá sự giải thích khác.

2. Khen dụng của tâm Phật, Khen tâm dụng. Khen dụng tâm Phật, thì trong phần nêu chương trước nói hình làm lợi ích cho dụng của sắc. Nay nói tâm, thì ngài Kinh Khê nói: Tâm có dụng nên sắc mới có dụng. Như trong tóm lược trước thì cũng lấy tâm mà giải thích hai lợi ích của hình và tiếng. Tất cả các pháp đều thú ở sắc mà không ngăn cách với tâm, thì sắc mới có ích. Ích như trước đã giải thích. Được Tam-muội vương Tam-muội... là vì pháp ở nơi người, người mới gọi là vương. Pháp lực... là pháp Không vượt ngoài Đế. Lực tức tự tại. Đối với Đế tự tại thì pháp mới có lực vượt ngoài, thì Tam-muội là đoạn. Đế Quán thuộc trí, hai thứ đều vượt ngoài nên nói thế. Đã ra ngoài mười giới thì cũng ngoài tam giới. Bảy Thánh tài, tức là tín, giới, văn, xả, tuệ, từ, quý. Ngài Kinh Khê nói: Nay lấy đạo đế gọi là Thánh tài, kỳ thật tài là chung cho tất cả pháp, cũng lấy vô tác Thánh tài, lý thông. Như nói văn... thì không thể hạn cục. Cho nên thật ra thông cả bốn. Diệt là chỗ chứng, khổ tập cần phải phá, cho nên không nói đến. Ấy là thuộc sắc dụng hay tâm dụng,

thì Thinh giáo thuộc sắc, cong vẹo nhờ tâm. Huống lại trong lời đáp dẫn vô tận ý, sắc tức là tâm. Cho nên nói thông. Chỉ năng thí là tâm. Tiếng này còn chung cả ý phương tiện giáo. Nên phải nói: Thí do tâm diệu Tài mới có pháp. Do tâm Năng thí dung nạp, mới có thể nói thí do tâm.

Giải thích tâm dụng. Quyền trí phân biệt tướng thế đế, ngài Kinh Khê nói: Đây là căn cứ vượt tiết, chỉ có lý nhất thật làm Đệ nhất nghĩa. Các giáo cạn sâu đều gọi là thế đế.

Hỏi: Ở trên, phần nhiều dựa theo ba Đế, như lược khen hình tiếng vẫn dựa theo năm nhãn và chín Đại thiên, nên nhãn thiên này ba Đế đầy đủ. Trong đáp thì hợp chân nhập trung, Thông giáo bao gồm hai đế. Còn hợp chân nhập tục thì Biệt Viên xen tạp hai đế. Đã liệu giản, là Huyền văn.

Hỏi: Chỉ nên lấy Viên giáo bất tư nghì chân làm thể, sao được lấy lý nội thông Biệt chân đế làm thể?

Đáp: Pháp Hoa chính thẳng bỏ phương tiện chỉ lấy Viên chân làm thể. Kinh này còn mang phương tiện của thông biệt, cho nên đều lấy ba thứ phương tiện lý nội làm thể. Nay ý đồng với trước, nên chỉ cho Huyền văn. Ngài Kinh Khê nói: Nhưng khai hợp này cũng là một lược. Nay lấy một thời kỳ Phật Pháp sự lý đối nhau. Luận chung hai Đế cũng được gọi là hợp chân nhập tục, cho nên Phương đẳng này có đủ năm thứ ba Đế ly hợp.

Kế “lại giải...” là lấy chỗ hiểu của phàm phu làm tùy tình, lấy chỗ chứng của Thánh nhân làm tùy trí. Ngài Kinh Khê nói: Vì lấy tình trí mà nói, nên phải như Pháp Hoa huyền văn bảy lần vượt tiết. Kết khen dụng của sắc tâm.

Tiếp khen rộng về ích lợi của tiếng, Nêu ý: Trên hiện tướng Tôn thẳng... là trước dùng hình biểu thị tiếng, hình tiếng đều chánh báo, kế dùng chánh biểu thị y. Chánh được y hiển bày. “Không có ...” là chánh giải thích, lợi ích của Tiếng, giải thích pháp chẳng hữu vô, có hai: a”, Giải thích chung. Ngài Kinh Khê nói: Nói pháp chẳng hữu... là văn đã “cùng không phải”. Lại nói nói pháp, phải biết “cùng không phải” tức là Trung đạo, e người không hiểu. Lại càng nói theo. “Những pháp nào ...” là đối pháp nói ra mà giải thích rõ ý đó. Không thể nói đối với pháp Không phải. Cho nên biết năng phi tức là Sở Thuyết (điều nói ra), năng phi tức là pháp Trung đạo. “Vì sao...” là lại nêu ra Sở phi mà giải thích Sở thuyết (điều nói ra), Sở thuyết tất không phải pháp phàm tiểu vậy. Vả lại nêu phàm phu Nhị thừa cho tiện mà thôi. Cũng nên lại nói khác với ba giáo xuất giả. Bồ-tát phần nhiều nói Trung đạo, là bốn giáo

Phương đẳng, hai cái trước không phải là Trung, trước không phải là ý chánh, nên được nói là “phần nhiều”.

Liệu giản, Đối hai Đế mà xét chọn. Ngài Kinh Khê nói: Trên dùng hai Đế... chỉ cho Thượng thiện mà thường phân biệt các văn. Trí đã chiếu đế, nói ất nương trí, sao được trước sau hai, ba chỗ không đồng. Ý đáp như trước Đối tà tiểu mà liệu giản. Ngài Kinh Khê nói: Ngoại đạo..., là muốn chọn các giáo rất nhiều thứ cùng không phải để hiển bày cái không phải của Viên, nên lập câu hỏi này. Trong ý đáp thì đáp đủ cùng không phải là chẳng phải một.

“Căn cứ giáo...” là giải thích riêng: Chính căn cứ ở giáo. Đơn phức đầy đủ, phức là trùng lặp. Hữu vô hai thứ đều “phi” cả. Bốn câu đơn là hữu hữu hữu vô cho đến Phi hữu phi vô hữu. Phi hữu phi vô vô. Bốn câu phức là hữu hữu hữu vô hữu, Diệc hữu diệc vô hữu, Phi hữu phi vô vô cho đến cùng “Phi” làm đầu cũng thế đầy đủ bốn thứ. Còn không hưởng xuống giáo không hai mà không phi hữu, hưởng là Biệt Viên Trung của phi vô. Nếu được phương tiện... ngài Kinh Khê nói: Đây là ước đoạt biên chỉ nói Phi hữu. Tuy có bốn môn mà đoạt dẫn thành Không, nên nói là Phi hữu. Từ tam tạng giáo ...” tuy lại cùng có Diệt nay, nên cũng được là hữu nhưng thành hữu vô còn không có cái thứ ba, sao được chỉ “đều song phi”. Cho nên hai giáo trước ất không có song phi. Kế Biệt giáo nói Tạng tánh, thì cần chọn Biệt Viên. Chân như bị hoặc che, nên gọi là Tạng biệt, tức hoặc là lý, lý đủ các pháp nên gọi Tạng viên. Một môn tức bốn môn... là đã đạt ba Đế cùng dung nhau, há lại có bốn môn ngăn cách khác biệt. Không môn là chân đế, hữu môn là Tục đế. Hai thứ cũng “đều phi” chỉ là ngăn và chiếu của Trung đế. “Ư thử ...” là đấm trước Viên cần phải phá hướng lại là Thiên tiểu và Phàm ngoại. Vàng sắt hai khóa, quý tiện tuy khác nhưng đều có nghĩa buộc chặt.

“Nay chọn...” là phán quyết ý kinh, có hai: a, Riêng khen giáo Viên dung mà giải thích. b, “Lại ...” là đều khen bốn giáo mà giải thích. “Vì nhân...” là giải thích pháp nhân duyên sinh, có hai: a, Đồng loại với duyên khởi có hai thứ. Như trước nói, ngài Kinh Khê bảo: Như trong khen đức Bồ-tát trước nói: Có mê ngộ hai thứ duyên khởi. Mê tức là mười hai nhân duyên, vô minh là gốc. Ngộ tức là quán mười hai nhân duyên. Trí hay diệt vô minh. Nay thì cũng hai thứ khổ tập là mê, còn đạo diệt là ngộ. Ngộ gồm lợi vật, mê toàn mình ngu. Mê phải diệt hết, ngộ tất cần hưng khởi, đều là ước lý Trung đạo đều song phi. “Song thể...” là chánh giải thích. Từ thể phi đến hữu sinh, chỉ là câu kinh trên,

vì song giá nên không sinh. “Có nhân...” là chánh nêu nghĩa duyên sinh, vì song chiếu nên sinh.

Kết về lợi ích của tiếng. Bốn giáo nói ba thứ đến..., ngài Kinh Khê nói: Nếu có ngã thì có tạo tác, nếu có tạo tác thì ở đời sau sẽ có thọ. Cho nên biết không có ngã thì không có tạo tác và thọ. Nhưng hai giáo trước căn cứ chân nội giới, còn hai giáo sau căn cứ chân ngoại giới. Trong đây chánh căn cứ lúc vô ngã. Không phải nói không tạo tác mới là vô ngã. Cho nên biết khi tạo tác mà thể vốn “không”, tuy nói vốn “không”, nhưng nghiệp không tiêu mất. Chỉ là duyên với vốn “không” mà được luận. Ước quán tu khiến vô ngã, cho nên ước Phật nói tạo tác và thọ vốn “không”, nhưng chúng sinh tạo tác và Phật Bồ-tát tạo tác lại không mất, nên được dùng để kết chẳng hữu chẳng vô. Thông Biệt không nói..., là nội giới ngoại giới “Đều lấy khổ tập làm ác, còn đạo diệt làm thiện”. Đây là về đại cương. Nếu như cương mục luận kỹ thì mỗi thứ đều có thiện ác. Và lại khổ tập nội giới bao gồm cả sáu đạo ba thiện ba ác. Đạo diệt thì ở nội giới gọi là thiện. Vì vô minh toàn ở đây nên nhìn sang ngoại giới thì vẫn là ác. Thiện ác ngoại giới không thể so đây mà nói. Mà phải lấy Địa trụ so nhau cao thấp để nói thiện ác. Chỉ có Phật quả của Viên là diệt rốt ráo không có ác có thể luận. Nên ngài Kinh Khê nói: Chỉ riêng Phật là thiện, chỉ có thiện là không mất.

Kế tiếp lập khen nguyên do xa của liệt ứng thân, có hai: a, Phân khoa. b, Tùy giải thích, có hai: Khen ích lợi về hình, có hai: Khen sắc của Ứng thân. “Có nói nguyên cát...” đây vốn là cây Ni-câu-đà. Phật nương vào cây này mà đắc đạo, nhân đó đặt tên đẹp cho cây.

Ngài Kinh Khê nói: Ma vương... như Chỉ Quán Ký nói: Giữa đêm nhập Tứ thiền. Tất cả việc Ứng Phật thành đạo, nhập Diệt chuyển pháp luân... đều ở thiền này. Biết Thường vô thường..., Thường là định pháp, vô thường là bất định pháp. Đối với ba học như Tỳ-ni tạng, có chủ ý phạm trọng cấm nhất định là có nghiệp chương, gọi đó là định, còn các giới khác không chương nên gọi là Bất định. Chúng sinh số tức là Chánh báo, phi số tức là y báo. Khen ứng tâm, có hai: a, Chánh giải nghĩa. “Không có tâm ý...”, ngài Kinh Khê nói: Tâm ý chỉ là thức. Tưởng hai ấm, thọ tức là thọ ấm. Chữ hành đọc bình khứ hai thanh, đều thuộc hành ấm, là Năng sở riêng mà thôi.

Điền đảo tức ba thọ, nghĩa là khổ thọ, lạc thọ, xả thọ. Thọ tức ba khổ, là khổ thọ khổ khổ, lạc thọ hoại khổ, Xả thọ hành khổ. hành tức hành ấm là hiểu như chữ kinh hành. Vì không nghiệp nên không tập... là hoặc và nghiệp hòa hợp, nên gọi tập đế. Do có tập nên hay chiêu

lấy khổ quả. Đại phẩm nói năm thọ năm hành, ngài Kinh Khê nói: Có thọ tất hành không có năm kiến thọ hành, như phẩm hành tướng thứ ba trong Đại phẩm có nói: Đại Bồ-tát hành Bát-nhã Ba-la-mật, khi hành cũng không thọ, không hành cũng không thọ, cũng hành cũng không hành cũng không thọ, phi hành phi bất hành cũng không thọ, chẳng Không thọ cũng không thọ. Ngài Thân Tử hỏi không sinh sao lại không thọ.

Đáp: Vì Bát-nhã không, nên tự tánh không thọ. Năm môn, ngài Kinh Khê nói: Chỉ là năm thọ lấy môn làm tên; môn từ giáo lập ra, còn thọ ở nội tâm. Ở trong mà thọ trung do thọ nên hành, nên đều có năm.

“Như Phật...” là dẫn sự để làm chứng, Chánh dẫn Đại luận quyển một nói: Có ngoại đạo Phạm chí tên là Trường Trảo là Đại luận sư cho rằng tất cả luận có thể phá, tất cả lời nói có thể hoại, tất cả chấp có thể chuyển, cho nên không có một thật pháp nào có thể tin kính. Như Xá-lợi-phất trong kinh Bốn Mật có nói: Đó là cậu của Xá-lợi-phất, vì người này trí tuệ, nhiều lần nghị luận bị thua. Nhân đó ông đi học, khắp nơi học xong về nước tìm cháu không thấy, liền đến hỏi Phật rằng: Tất cả luận có thể phá... Phật nói một câu trách rằng: Người có thấy nhãn chăng? Suy nghĩ rất lâu vẫn không nghĩ ra được điều gì. Bèn thưa: Sa-môn Cù-đàm đặt cho tôi trong hai phụ môn, nếu tôi đáp nhãn là phụ môn thô thì mọi người đều biết. Vì sao tự nói không nhãn mà nay lại nói nhãn hiện thấy để thành nói dối. Nếu nay đáp: Tôi thấy không nhãn là phụ môn tế, thì không ai biết, liền lại đáp rằng cái thấy ấy cũng không nhãn. Phật bảo: Không nhãn là thấy thì lấy gì mà phá người khác, mọi người không khác thì cần gì phải tự cao mà sinh kiêu mạn. Trường Trảo không đáp lời Phật được. Tự biết bị thua nhưng Thế Tôn không nêu lỗi ra. Bèn không nói phải trái, tự điều phục tâm nhu nhuyễn mà được Pháp nhãn tịnh. Việc chấp của Trường Trảo song phi kiến ở trong bốn kiến đơn hoặc ba kiến sau trong bốn kiến đơn vô ngôn kiến. Nếu nói tất cả không thọ tức hình như không kiến. Ngài Kinh Khê nói mọi người không khác, đây là chỉ các người khởi kiến, dần dần bỏ đi mà chỉ nói là mọi người.

Giải thích mọi trở ngại, có hai: a, Hỏi thời sau ngài Kinh Khê nói. Dem thời gian Trường Trảo cho đến ngài Thân Tử được đạo so với ngày lúc Phật ngồi dưới cội Bồ-đề, do đó Trường Trảo lại ở vào thời sau. b, Đáp, có hai: a’, Nói xưa đã trái kinh, có hai: a”, Nêu xưa giải nghĩa. Thọ tám thiên định, là bốn thiên, bốn không. Đây chỉ là nêu chung. Thật ra sau khi vượt thành Thái tử học với ông A-la-la về vô sở hữu, kế học với

Uất-đầu-lam-phất về Phi phi tướng. “Nay bảo...” là chê xưa trái kinh. Vì lúc còn phạm phu, tức lúc còn là Thái tử. “Lại e...” là Chính thông câu hỏi trước. Đề vị nhân duyên như Thụy ứng và Đề Vị kinh; nói năm giới tức là nhân thiên giáo vậy. Năm hành là mộc, hỏa, thổ, kim, thủy. Hành thì Lão Đàm nói hành là khí của trời. Bạch Hổ Thông nói: Hỏa là Dương tôn (cao quý), Thủy là Âm ty (kém), Mộc là Thiếu dương, Kim là Thiếu âm, Thổ là Đại bao. Hai Âm ba Dương tôn, là phối ở trời Lục giáp, giáp là đầu. Một giáp năm hành là một ngày, Lục giáp sáu mươi ngày. Trong một năm thì giáp đi sáu vòng, ba mươi sáu lịch số. Có Tăng ở đương lai, vì chưa vào Lộc uyển, chưa độ năm người, cho nên chỉ năm người là đương lai Tăng. “Từ đó...” , tức là từ lúc đầu thi phục Đề Vị đến sau. Sau khi Niết-bàn đều lấy Bất thọ mà phá các ngoại đạo. Như trong Niết-bàn phá mười Tiên lục sư.

Khen ích lợi của tiếng, có hai: a, Phân khoa. b. Tùy giải thích, Khen chuyển pháp luân, Câu đầu Giải thích pháp luân. Trong văn dùng hai nghĩa mà giải thích. Luân là nghĩa hay chuyển đời, hay hư hoại. Trái hai mươi một ngày, Đại thừa thì nói đã nghe nói Đốn, theo Tiểu thừa thì thấy hai mươi một ngày dừng nghỉ bởi có chỗ biểu thị. Bảy ngày đầu là muốn nói Viên, bảy ngày thứ hai là muốn nói Biệt, bảy ngày thứ ba là muốn nói thông, vì đều không có cơ ứng hợp, nên phải nhận lời thỉnh của Thích phạm mà nói bốn Đế sinh diệt của tam tạng. Giải thích ba chuyển.

Nhãn trí Minh giác. Tiêm sư nói trong Câu-xá luận có nói: Đối trong kiến đạo thì pháp nhãn gọi là nhãn, pháp trí gọi là trí, loại nhãn gọi là minh. Trí gọi là giác. Quán kiến gọi là nhãn, quyết đoán gọi là trí, chiếu liễu gọi là minh. Cảnh sát gọi là giác. Lại nhãn gồm biết ba đời, trí thì biết quá khứ, minh thì biết vị lai, giác thì biết hiện tại, đó chỉ là tên khác của tam minh. Ba chuyển mỗi đời có bốn thứ này, nên nói là mười hai hành. Đại thiên, là bốn đại châu, nhật nguyệt, Tô-mê-lô, côi Dục, Phạm thế, mỗi thứ đều có một thiên, gọi là tiểu thiên giới; gấp ngàn tiểu thiên này gọi là một trung thiên, gấp ngàn trung thiên này gọi là đại thiên giới.

Giải thích câu thứ hai. Trong ba thứ thuốc..., đây là dẫn văn kinh Niết-bàn ở phẩm Trần-như làm chứng nghĩa nay là bất tịnh. bất tịnh, Từ tâm, nhân duyên gọi là ba thuốc. Tham, sân, si gọi là ba bệnh. Lý sự cách nhau, nên thuốc và bệnh cùng không. Nay nói bất tịnh Nghĩa nó lệ như thế. Đại Tập nói: Dẫn lý chân thật để chứng rằng xưa nay vẫn tịnh, Trần-như chỉ thấy lý Tiểu thật mà thôi. Giải thích câu ba. Câu-lân tức

Trần-như là tiếng Phạm thời Sở hạ. Năm người, Tiêm sư nói:

1. Câu-lân-như.
2. Át-bệ cũng gọi là Mã Tinh.
3. Bạt-đề cũng gọi là Ma-ha Nam.
4. Thập lực Ca-diếp.
5. Câu-lợi Thái tử.

Thấy Đế được giới là mười tụng nói mười thọ, đây là một. Nên văn ấy nói: Mười thứ được giới như Phật tự nói: “Thiện lai! Tỳ-kheo” thì tự nhiên đã được giới Cụ túc. Như ngài Ma-ha Ca-diếp tự thệ nhân duyên được giới Cụ túc. Như ngài Kiều-trần-như thấy Đế nên thọ giới Cụ túc. Như Tỳ-kheo Ni-Ba-xà-ba-đề vì pháp Bát Kính mà thọ giới Cụ túc. Như Tỳ-kheo-ni Đạt-ma-đề-na khiến tin mà thọ giới Cụ túc. Như Sa-di Tu-đà-gia do luận nghị mà thọ giới Cụ túc. Như Da-xá Tỳ-kheo... do thiện lai mà thọ giới Cụ túc. Như Bạt-đà-la-ba Lăng-già do tam quy mà thọ giới Cụ túc, như Biên Địa Đệ Ngũ Luật sư thọ giới Cụ túc “trong năm người cần một người là đệ ngũ luật sư. Như Niết-bàn Ký đã nói rõ), mười người trong nước Bạch tứ Yết-ma mà thọ giới Cụ túc. Một người không gọi là Tăng bảo, vì bốn người trở lên mới thành Tăng. Nên ngài Kinh Khê nói: Đây là phá xưa. Nếu bốn người kia không phải thấy Đế, thì một mình Trần-như dù là Tỳ-kheo cũng không gọi là Tăng bảo. Sao gọi là Tam bảo ở thế gian? Trước phải đủ ba thứ này, sau đó mới y theo đó mà lập tướng theo ba thứ. Lục Sư như kinh Niết-bàn đã nói.

Giải thích câu bốn. Không căn cứ một thể, ngài Kinh Khê nói, có hai nghĩa:

1. Bắt đầu Tiệm hóa chưa cần một thể.
2. Lấy một thể.

Nêu kinh văn không tiện. Khen pháp diệu mà trời người được lợi ích. Vì diệu pháp này, thì ngài Kinh Khê nói: Nay hỏi rằng người khác nếu từ tên nhất định phải đồng với Pháp Hoa. Cho nên cần phải phân biệt chỗ dị đồng của danh nghĩa. Nay bậc Vô lậu trí... không phải chỉ vô lậu hơn Thế trí, mà ở vô lậu, thì Phật cũng khác với các đệ tử ba thừa. Ba mươi bốn tâm không gián đoạn nên Phật không thoái chuyển, rốt ráo không khởi động, thế nên được nói là Nhất thọ. Đại kinh có nói: Đẳng giả là dẫn việc trị tha chứng tự không lui sụt. Trị tha đã thế, thì nghiệm tự có thể biết. Xét luận Bà-sa và Đàm-vô-đức, có thoái và bất thoái, là lấy biên vô thoái để chứng bất thoái. Song trong Bà-sa lại có đủ hai văn. Nay nêu Biên thoái để Thành luận y nương không mà một mực bất thoái. Nay dẫn cả hai mà không phải dùng cả hai. Lại còn Bà-sa ước tu

đạo biên, hữu lậu trí đoạn tức không vô sinh, chỉ là hữu tận trí, tức hữu thoái vậy. Thấy Đế và bất thoái, hai thứ luận thì đồng. Cũng như biển lớn. Biển có ba nghĩa: Sâu, rộng, dung chứa các dòng nước, tức pháp lạc vô lượng rộng như biển.

Tiếp là tổng kết khen: Dùng đức đại Bi, ba Niệm xứ. Ngài Kinh Khê nói: Tất cả chư Phật đều đủ ba thứ này, nghĩa là được cúng không tự cao, gặp kẻ hủy báng không tự hạ, đối với không hủy cúng mà không sinh si mê. Ý này thường có ở Ứng Hóa Phật. Trong văn chỉ dẫn nữ chê và Phạm khen. Tiếp là tóm tắt: Không có Bát phong cũng chỉ nêu trái thuận, văn sau tự nêu, nên ở đây chưa đủ. Tu-di, Hán dịch là An minh, ở trong nước rất sâu nên nói là An, cao hơn các núi khác, nên nói là Minh. Còn nói Diệu thì tân dịch gọi là Độc hữu “riêng có), núi này do bốn báu tạo thành. La-hầu Tam-ma... là số nhiều nhất là việc trách mắng an ủi đến ba lần. Nhân Thân Tử xô đuổi, mà an ủi trách Thân Tử rằng: Ông sao lại khinh dễ con của Đại long. Bảo La-vân rằng: Đừng khóc! Đừng khóc! Trách Điều-đạt là Điều-đạt ở bên Phật mà đòi chúng. Phật trách rằng người là người si vô tri, ta còn không đem chúng mà giao cho Thân Tử, Mục-liên. Huống người là kẻ ngu ăn đờm dãi ư!

“Hương thoa...” là căn cứ sắc tâm đủ sinh ra hai thứ tướng ba niệm. Tuy tức do cảnh mới đủ ba tâm mà nghĩa chỉ thành một. Nay đều nói muốn hiển bày hai tướng. Khiến đi sau là nhân ngoài thức trong.

Chánh kể khen hiện tướng, Phân khoa. Chánh kể khen. Nhân biểu phát..., ngài Kinh Khê nói: Trước đã phá xưa, cho nên do hai lý do trước mới có biểu phát. “Dâng bằng cơ...” là tùy giải thích, Kể khen chung việc hiện điềm lành. Biểu phát, Kể khen dâng lọng. Nhân nhỏ mà quả lớn, ngài Kinh Khê nói: Năm trăm người mỗi mỗi đều hiến lọng nhỏ. Lọng nhỏ nên nói nhỏ. Hạp lọng biểu thị Tịch quang, là tốt cùng của lớn (đại) đâu thể hơn đây được. Chưa hiểu thấu ý chỉ của việc biểu thị, nên nói là khó lường. Đây sẽ nói sau. Nay nói trước điềm lành về nhân quả tịnh độ. Vì sao? Vì do hiến lọng nên có nhận, do nhận nên hạp lọng, do hạp nên mừng, do mừng nên thỉnh, do thỉnh nên nói, do nói nên nghe, do nghe nên làm nhân, do nhân mà cảm quả. Lại có các thứ nhân quả khác nhau, tức thành các thứ hạnh tịnh độ. Nay từ hơn mà nói, nên nói vô phương. Lại từ nói chung mà chỉ nói nhân quả.

Chánh kể khen việc hạp lọng hiện điềm lành, biểu thị việc ứng thân. Ngài Kinh Khê nói: Hai chữ “chi sự” là cốt nói việc ấy.

Kể khen đại chúng vui mừng: Kể khen riêng ba mật, có hai: a, Phân khoa. b, Nêu chung. Tức ba luân... là chuyển tự và tha có thể trừ

hoặc lậu của người khác. Nghĩa gọi là luân đã không lỗi nên không cần phòng hộ.

“Đại Thánh...” là tùy văn giải thích riêng, Khen thân mật. “Tịnh tâm giả...” là giải nghĩa tịnh tâm. Trước ước nghe giáo, kế ước tu hành. Lại trước là vị cạn, kế là vị sâu. Ví như một vầng trăng, trăng tức nương không, không dụ cho Pháp thân, Trăng dụ cho Báo thân, bóng dụ cho Ứng thân, các dòng nước dụ cho bốn cơ. “Hoặc thấy...” là hiện thân bốn giáo. Khen khẩu mật, Khen từ và pháp hai biện. Phật còn không phải Phạm âm... ngài Kinh Khê nói: Đại âm không tiếng, Phạm âm chỉ là tùy ở một loại quốc độ mà thôi. Phạm còn không phải Phạm, các thứ khác làm sao luận. Nêu việc hơn kém, việc khác đều chuẩn đây mà biết. Tiếp, khen nghĩa biện. Khen thuyết vô ngại biện.

Khen ý mật, Nêu ý phân khoa. Phật tâm không phải quyền..., vì Phật và tâm là không trung, nên không phải Quyền thật. Không Trung tức giả, hay hiển Quyền thật. Bởi do lý đủ mới có sự dụng. Y cứ mười giới mà nói chung thì chín quyền một thật. Y cứ bốn Thánh luận riêng thì là ba quyền một thật. Nay ước đối cơ bốn giáo, lại từ biệt mà luận về sáu đạo trước thì chỉ là chỗ sinh cơ mà thôi. Ba thứ Quyền thật hai trí, tự hành là trong tâm Thánh nhân mà chứng. Hóa tha là ở tâm phàm phu mà giải thoát tự tha đối nhau tức Thánh phàm cùng luận. Thánh tuy chiếu quyền nhưng đối phàm thì gọi là thật, vì thật chứng. Còn phàm tuy chiếu thật nhưng đối Thánh gọi là Quyền vì hiểu theo tình vậy. Thế nên biết ước tự hành tức toàn đoạt cả. Chỉ Thánh có hai trí, cho nên ước hóa tha tức hoàn toàn ban cho. Phàm phu cũng được luận hai thứ, nên tự tha tức nửa cho nửa đoạt. Đối với Phàm thì đoạt Thật mà cho Quyền. Ý này soi sáng ba thứ, như chỉ trong bàn tay. “Trước một...” tùy văn giải nghĩa, dựa vào ba thứ Quyền thật hai trí để khen ý mật, Ước nội ngoại mà khen Tự hành. Nội trí đầy đủ, là hai trí đều viên. Do trong đủ Trí, nên ngoài có dụng. Ngài Kinh Khê nói: Khể Thủ mười Lực... là chỉ cho đủ lực mới có thể ngoại dụng. Đây tức đồng thể, là thể dụng của Quyền thật. Khen tự hành hóa tha. Ngài Kinh Khê nói: Khể Thủ trụ ở Bất cộng pháp, là vì Bất cộng, cho nên thường dắt dẫn vật. Đây từ Bất cộng làm tên, vì dắt dẫn vật nên có Bất cộng. Đây là từ dắt dẫn vật (“đạo Vật) làm tên, tả hữu cùng luận nên thành hai nghĩa. Khen hóa tha, Văn có hai giải thích, nghĩa đều thông. Vì đối hai thứ trước, làm thành ba thứ nên lại lấy hóa tha để làm khoa. Tức là Hóa tha Quyền thật. Nói trí đoạn, ngài Kinh Khê nói: Đoạn dứt phược đến bờ kia nghĩa đã thông. Nghĩa chia Thiên viên tức là Quyền thật, hướng lại các lý chúng nói đều gồm

Quyền thật. Hoặc đoạn các kết là Quyền, Quyền đến bờ kia là Thật. Dựa vào văn hỏi đáp giải thích chung cho tiện.

Kế đến, tổng kết, hai thứ Trí, Đoạn Quyền Thật ở trước. Đã nói hai thứ Trí Đoạn tức là kết khoa thứ ba. Lấy trí đoạn ở khoa thứ ba mà nói là để giải thích kinh thông về tự tha. Nếu chuẩn theo lời giải thích của ngài Kinh Khê thì nghĩa rất tốt, bởi chữ “hai” lầm nên phải nói ba thứ Quyền thật... Cho nên ngài Kinh Khê nói: Khể thủ thường độ... hai câu nói kết ba Quyền thật, là trong ba thứ mỗi mỗi đều có nghĩa hay độ và xa lìa. Tự độ độ tha, tự tha đối nhau nghĩa đều thông. Kết ba thứ trên, là nếu tự độ đời cũng là tự xa lìa, là kết tự hành vậy. Năng độ là kết tha, vĩnh ly là kết tự, tức là tự tha. Độ tha là khiến người khác xa lìa hẳn và độ đời đều là kết tha. Bản rộng cũng viết hai chữ. Nay chuẩn theo nghĩa ngài Kinh Khê giải thích e rộng lược hai bốn đều viết lầm.

Căn cứ theo ba thứ Đế kết khen ý mật, Nêu bày, ba thứ hai Đế, là y theo Quyền thật cho đoạn ở trước khác nhau. Cũng phải trải qua bảy lớp hai Đế, mỗi thứ đều kể ba loại. “Sơ...” là tùy giải thích, căn cứ hai đế tùy tình, là đều dùng phạm tâm mà giải thích. căn cứ trí tùy tình. Tùy tình mà không nhiễm, là như hoa sen không dính nước bùn. Hai đế tùy trí. Đều vào một tướng, chân tục không hai, đều là Thánh chứng.

II. Phần Chánh thuyết, Huyền luận ý nghĩa, Phân chương nêu ý, Phân chương mạng tông. Mạng là mời, Tông là chủ. Ở đây kinh này mời Phật quốc làm chủ. Phục Tông..., ngài Kinh Khê nói: Phục cũng là phức (nhiều lần). Phật xưa tự nói nhân quả Phật quốc mà làm tông, nay nói lại, nên nói phức. Huống là đối ngài Tịnh Danh chê trách ngài Văn-thù đối đáp qua lại đều thuận ý chỉ Phật. Thế nên Như Lai lại nói lại, cũng gọi là phức “nhắc lại). “Sở dĩ...” là nêu ý. Thứ lớp kể ý ba khoa đều trước tiên nói là sở dĩ. Thành Phổ Tập trước..., tức chánh báo tất có y báo vậy. Thượng thư Phù, tức Thượng thư Tần Trí. Xưa đời Tần, Thiếu Phủ sai bốn quan viên ở trong điện chủ về phát thư, nên gọi là Thượng thư, Thượng cũng là chủ. Ngụy, Tấn, Tề đều nói Thượng thư đài. Lương, Trần, Hậu Ngụy, Bắc Tề, Tùy thì gọi là Thượng thư tỉnh. Thượng Thư nói: Rong sai ông viết nạp ngôn. Kinh Thi nói: Ông Trọng Sơn ra nhận mệnh vua làm người phát ngôn của vua, đều là nhiệm vụ của Thượng thư. Phù, là đời Đường đặt ra Phù bảo lang thuộc môn Hạ Tỉnh. Quan đất Chu Lễ nắm quyền, xưng quan coi về điếm lạnh là nhiệm vụ. Tất cả phù tiết đều nạp vào cung. Nếu có tùy tùng thì xin Lang chủ ra nhận. Phạm phù tiết làm tin đều cất nửa trái còn nửa mặt để ráp lại. Loại một gọi là Đồng ngữ phù, để khởi quân lữ, thay thủ trưởng. Loại hai gọi là

Truyền phù, cấp cho Bưu trạm để truyền lệnh. Loại ba là Tùy thân ngư phù nói kẻ quý tiện đều theo lệnh mời. Loại bốn là Mộc khế, do đó mà nơi trấn thủ trọng yếu cẩn thận việc cho vào ra. Loại năm là Tinh tiết. Nước vùng núi thì dùng Thú tiết, nước vùng đất bằng thì dùng nhân tiết, nước vùng Nước thì dùng Long tiết, đều làm bằng vàng. Khắc tên họ thì quan mới thu nhận, nếu người không khắc thì truyền nhau mà đeo ở cổ. Phạm Tinh “cờ hiệu) là chuyên khen thưởng, còn tiết là chuyên việc giết hại. Phụng chỉ là tuân chỉ Thiên tử để dụ ngài Tịnh Danh tuân chỉ mà chê trách. Khai cảnh, nghĩa là mở mang bờ cõi, để dụ ngài Tịnh Danh đánh phạt giặc tà Tiểu, mà mở mang đất nước Đại thừa. Chí Tôn là Thiên tử (vua).

“Hỏi Tịnh...”, là giải thích vấn nạn mà hiển bày tông, , Nêu việc chê trách xưa quấy giúp hỏi Phật quốc. Lời hỏi xưa, từ trước đã chê trách nghĩa là chê năm trăm, tám ngàn người đều kể việc xưa. Ngài Kinh Khê nói: Hỏi: Sao biết được việc chê trách đều ở lúc xưa. Đáp: Cả năm trăm và tám ngàn người đều nói: Nhớ thuở xưa ta từng ở... nên biết là thuở trước. Nay nói tịnh độ cách đây không xa, cho nên biết khi chê trách là hiện tiền.

Phần đáp giải thích, Chánh đáp, ngẫm hội ý Phật. Minh là tối, hội là hợp, ngẫm hợp ý Như Lai sắp nói Phật quốc. “Thế...” là nêu dụ. Khổn là bờ cõi. Tướng quân, đời Tần đặt chức Đại tướng quân. Đời Hán cử Hàn Tín làm chức đó, đời Võ Đế cử Vệ Thế, ngôi vị trên Tam Công. Đời Minh Đế cử Đậu Hiến. Thuở xưa được báiphong thì uy danh chấn động thiên hạ. Từ Thượng thư trở xuống muốn báiphong thì phải phủ phục xưng hô vạn tuế. Thượng thư lệnh Hàng Lăng nói: Từ xưa không có lệ này, việc lạy vua mới thôi. Tôn Tử nói: Tướng ở trong quân thì có lúc không cần nghe lệnh vua. Cổ ngữ có câu: Từ cổng thành trở vào thì quả nhân quản chế, từ cổng thành trở ra thì tướng quân quản chế. Lòng vua là ý trời. Hà tất phải đợi chiếu. Hán thư có nói: Chỉ nghe lệnh của tướng quân mà không nghe chiếu của Thiên tử. Ngài Kinh Khê nói: Nếu không phải thiệp tình thì trước làm sau mới tâu vua, càng đúng ý vua.

Tiếp là hợp kết. “Kể xưa...”, ngài Kinh Khê nói: Khi đối trước Phật kể thuật có kế hợp nên Phật im lặng ẩn khả. Ngày xưa chê trách... là đang lúc chê trách thì tiếng nhân quả Phật quốc chưa có. Kinh Phổ Tập đồng loại mà còn chưa nói đến, nên khiến trước đó chỉ giúp hai duyên hướng nay trong kinh lại đầy đủ cả y chánh. Lại trước Phổ Tập thì các kinh Đại thừa phần nhiều chỉ nói Chánh báo, nên ngày chê trách

chung giúp bao gồm hai duyên, nên nói là chung giúp. Giải thích lời hỏi giữa chín phẩm không có nghĩa Phật quốc, có hai: a, Vấn nạn: ngài Kinh Khê nói: Ý hỏi rằng: Trước nói ngài Tịnh Danh giúp Phật hoàng hóa nghe gần thì từ trước nay việc giúp chung Chánh báo. Nếu thế trong đây phải nói riêng về y báo. Y báo đã là ý riêng thì tất cả mọi nơi phải nói là y báo. Ngài Tịnh Danh đã nói về số phẩm dù nhiều, nhưng nếu luận về y báo thì nghĩa chẳng bao nhiêu. Bởi nói không đầy đủ chứ không phải hoàn toàn không nói. Tuy có hiện thất trống, cõi Diệu hỷ... bởi chỉ ít thế thôi. b, Đáp giải thích. Ngài Kinh Khê nói ý đáp rằng: Hà tất phải nói tên cõi mới là nhân quả tịnh độ. Mà làm tức là nhân, nhân tất phải với quả, tức là nghĩa ấy. Sao lại cố giữ chặt lấy tên. 3, Giải thích lời hỏi trong khoảng chín phẩm không nói về Phật quốc, có hai: a, Vấn nạn. Ngài Kinh Khê nói: Đầu tiên là Phật quốc, cuối cùng là Am viên. Trước hỏi cũng chung cho một phần nhỏ. Cho nên nói bởi không nói đủ. Bởi trong lời đáp chỉ lấy việc tạo nhân mà đáp câu hỏi. Việc tạo nhân đó cũng gồm chưa đủ quyết nghi. Nay trong chín phẩm này hai nghĩa không thành: 1. Không phải Phật nói. 2. Không có tên cõi, mà ngài Tịnh Danh nói: Những gì là hai? Đáp giải thích, có hai: a, Trước dẫn văn Phật quốc. b, Tịnh Danh ..." là xếp loại chín phẩm. Ngài Kinh Khê nói: Ý đáp là theo nghĩa không phải lời, lý ở bình thường, há chấp chặt cái tên Quốc độ mà quên đi thuyết phương tiện. Cho nên từ "đây ... Uyển nhiên" tức là sự ấy. Giải thích chữ Phù để thành nghĩa Tịnh quốc vì không hiểu nên vấn nạn, Vấn nạn và Đáp giải thích, Tổng nêu chung: Đều có nghĩa này, ngài Kinh Khê nói: Như ba nghĩa trong lời hỏi, ngài Tịnh Danh một lời chê mà đủ cả ba lý ấy, cho đến chín phẩm cũng như thế. Huống ngài Tịnh Danh trước sau đều thành ba nghĩa. Cho nên từ Pháp Hoa..." , nghĩa nêu ba thứ.

"Như..." là nêu riêng, Nêu ngài Tịnh Danh khế hợp thành. Ngài Kinh Khê nói: Trước dẫn kinh Pháp Hoa nêu việc Phật từ tịnh độ Phật để thành tựu chúng sinh, thành tựu chúng sinh mãi mãi không thôi. Hóa chủ đã như thế là để khuyên gắng các người sau. "Thử lại ..." là chính nói ngài Tịnh Danh chỉ khế thành tịnh độ của Như Lai. "Tịnh Danh ..." là trình bày ngài Tịnh Danh tự tịnh. "Đệ tử ..." là trình bày các đệ tử... đã tịnh. Đệ tử Bồ-tát, ngài Kinh Khê nói: Đệ tử tức phẩm Đệ Tử, Bồ-tát tức phẩm Bồ-tát.

Giải thích Thanh văn nhập diệt không phải tịnh Phật quốc độ mà vấn nạn, có hai: a, Vấn nạn: Ngài Kinh Khê nói: Bồ-tát có thể như thế..., là hạnh tịnh độ tất cần phải nguyện sinh. Tiểu thừa mất sinh, trái nghĩa

sinh diệt, sao được dẫn ra mà hỏi việc Bồ-tát. Đáp giải thích: Thanh văn tịnh Cõi Phật do đó đến nghĩa này, là dẫn lời đáp lần thứ tư trước, để chê trách chung, nếu tìm xét từ bản thì Tiểu thừa có tịnh quốc. Nếu cạn hỏi từ tích thì Tiểu thừa lấy tịch diệt. “Như pháp ...” là chánh đáp vậy. Ngài Kinh Khê nói: Từ bản mà nói mới có việc ấy, cho nên bị chê trách đều giống nhau. “Lại hỏi ...” là hiển bày Phật quốc làm tông cho kinh, Dẫn văn lập tông, ngài Kinh Khê nói: Đây là riêng đáp y hỏi, tức lại dẫn chung nghĩa hiển thành Phật quốc làm tông. Nhân đây đối đáp qua lại. Ngài Kinh Khê nói: Đối đáp qua lại là chỉ chung chín phẩm. “Nếu không ...” là trách xưa thành nay. Ngài Kinh Khê nói: Phá y xưa, đây đem giải thích xong để hỏi lỗi xưa, cho nên lấy thất trọng để biểu thị cho Cõi Phật rất tịnh, để phá y xưa giải thích việc sinh ra các phẩm. Chê người xưa tuy thấy văn kinh, nhưng văn mười phương Cõi Phật đều không, cũng chưa khẳng định lấy tông làm Phật quốc. Ý ngài Tịnh Danh cho mười phương ba cõi cũng đều không. Bởi thất là biểu thị Thường tịch quang là không. Nên biết người xưa chưa hiểu ý kinh.

Giải thích một tên giải thoát không phải liên hệ đến Phật quốc mà hỏi, Vấn nạn: Ý hỏi kinh này đã lấy Phật quốc làm tông, nếu lập tên khác thì phải gọi là Phật quốc. Đã nói giải thoát thì ắt trái nghĩa Phật quốc. Ngài Kinh Khê nói: Kinh này tuy nhân pháp cùng nêu lên, nhưng riêng tên nhân biểu thị cho pháp cũng quá lạm, nên từ pháp mà gọi, để làm câu hỏi. Đáp giải thích, ý đáp: Kinh này tên thông thường là Bất Tư Nghì Giải Thoát kinh. Trong đó riêng có phẩm Bất Tư Nghì danh nghĩa phù hợp để nói về y báo, thì nghĩa Phật quốc đã sáng tỏ. Ngài Kinh Khê nói: Trong lời đáp lại dùng tên riêng để đáp. Cho nên Bất tư nghì hiển bày Phật quốc rất sáng. Nhưng ý nay nói nghĩa Bất tư nghì có chung có riêng. Chung đối với một bộ nên gọi là chung. Dùng pháp đối nhân cũng như thế. Thế nên nhân pháp hai ý không khác.

“Tự Bán...” là chánh giải thích văn kinh, Nửa phẩm Phật Quốc nói Đại Thánh đối cơ làm tông, mà nói nhân quả Phật quốc, Phân khoa. Tùy giải thích, Bảo Tích thỉnh nói, Đồng loại kham nghe. Trước đã phát tâm, ngài Kinh Khê nói: Hỏi năm trăm vị này phát tâm ở đâu. Số đã không nói thì đây khó phán định. Hoặc đây sinh hội này về trước. Hoặc ở Phổ Tập thấy nghe nhân, pháp thảng báo. Hoặc lại vừa đến thì thấy thần biến của Phật, hoặc đang nghe Bảo Tích kể khen, hoặc khá đầy đủ ở các nơi trong các kinh từ trước nay, hoặc lần hai, hoặc lần ba, nhưng chỗ thấy nghe đều thuộc Phương đẳng gồm ở bốn giáo phát ra, đâu không phải thế, chỉ vì cơ nghi nghe giáo hạnh tịnh độ. Thế nên lại cần

phải thỉnh hỏi mà thôi. Vì sao trong phát tâm trên cầu chỉ có một, còn hạ hóa lại thông, không ra Quyền thật trải các giáo nói lý nhận cội nước mà nhiếp chúng sinh. Thế nên càng cần phải hỏi giáo tịnh độ. Thế nên Bảo Tích kể nói là thỉnh khiến được nghe về nhân quả tâm tịnh độ. Đây nói tâm chí đạo thì tiếng Phạm gọi là Chất-đa, Hán dịch là tâm. Trong kinh đã dịch. Đây nói tâm là kèm nhau mà đến. Nhưng phát tâm đến phần chân, ngài Kinh Khê nói. Đã hỏi về nêu chung Bồ-đề. Trong Lục tức không nêu lý tức và Cứu cánh tức, lý có thể như thế, vì sao không nói quán hành tức? Đáp: Nay phát tâm này đối với Phật kể là hạnh, còn Quán hành thì công năng còn mỏng nên không đủ luận. Hướng chỉ Quán là tên chung của tương tự... Biệt giáo thì phần chứng tương tự đâu không phải là Quán hành? Từ hơn mà lập tên rồi mới kể thuật. Nếu muốn gồm chung lý tức, vì sao không thể được. Chỉ e là Trưởng giả Vị đã vượt hơn.

“Nói tiếng ...” là lại theo giáo mà chọn. Ở đây ba thứ chỉ nói tương tự, vì tương tự ở giữa, còn Danh Tự không có ngôi vị, phần chân thì chính đang ở vị vô sinh. Cho nên cần chánh ước vào vị tương tự mà phán quyết. Đều căn cứ vào nội phạm thì tánh thông mà Địa biệt. Thập tín viên của ba mươi tâm. Sở dĩ ước ba giáo, vì các Trưởng giả nghĩa thông đại thừa. Hỏi...”, ngài Kinh Khê nói: Ý hỏi Trưởng giả chỉ nói phát tâm Bồ-đề, nay căn cứ vào đâu mà nói tương tự? Đáp ...” là chỉ nói thông vị, vì lấy người xen Tiểu thừa nên cần phải phân biệt rõ Biệt Viên hai giáo ước hẳn mà luận nghĩa phát. Chuẩn theo đó mà biết. Ngài Kinh Khê nói: Trong ý đáp thì cũng chọn vô sinh và vị quán hành, cho nên biết trước đó nêu nghĩa phát không thành, trước đã luận xong nay hỏi lại là muốn chọn cái khác mà thôi. Như tương tự trong Thông giáo sơ tâm còn chưa thể phát. Cho nên biết Danh tự tuy có nghĩa phát nhưng cách vô sinh còn xa gồm cả Phục thông. Đây cũng ước theo thứ lớp mà thôi.

Chánh thỉnh nói, Phân khoa nêu ý, “Sở dĩ ...” là tùy văn giải thích, thỉnh quả. Thỉnh nhân.

Như Lai đáp, Phân khoa và tùy giải thích, Khen chấp nhận. Khuyến nghe. Khi niệm sinh thì tu tuệ, ngài Kinh Khê nói: Niệm trước là cảnh Sở của y nghe và suy nghĩ, phải như nghe và suy nghĩ mà tu hành. thông cả bốn giáo là kinh Phương Đẳng này. Thế nên nghe xong tất phải suy nghĩ và tu hành. Sách Nho còn nói: Học mà không suy nghĩ thì không được gì. Lại nói tu thân, cẩn thận ở việc làm, sợ nhục là trước nhất. Tục giáo luận về Tư tu đều cạn chỉ có danh mà không thật xuất thế.

Thọ giáo. Chánh đáp, phân khoa. Văn xưa ...” là tùy giải thích, chánh đáp, về quả, Nêu chương đáp chung sự giải thích, nêu chung: Từ “Nhiên độ bất tại...” đến “Dĩ như tiền thuyết”, ngài Kinh Khê nói: Hỏi đã không phải bốn câu “trường hợp) thì độ định ở đâu? Đáp: Chỉ là duyên định thuộc để thành cái lỗi về tánh. Trong bốn câu đều nói là “Không ở”. Nói bốn câu, là phá Phạm chứ không phải Thánh. Lý Phạm xưa nay cũng không lỗi về tánh chúng sinh nghiệp lực không thể nghĩ bàn, Phật và Bồ-tát cũng phải như thế. Há hai thứ đều khó lường hợp thành lỗi về Tánh, lia hai mà không riêng khác, Bất khả tư nghì. Nên biết Tư Nghì tức là Bất tư nghì. Huống là lý Bất tư nghì có thể nghĩ bàn ư? Hoặc lia hoặc hợp đều không vượt Lý. Quán như thế thì các cõi vắng lặng hẳn, không thể nói bày, bốn Tất-đàn đều nêu, tùy người nghe mà được lợi ích. Các thứ khác đều luận biết.

“Chúng sinh...” là giải thích riêng, có hai: a, Giải thích chúng sinh. b, “Sở ngôn...” giải thích loại, Chính nói về hữu vi duyên tập... ngài Kinh Khê nói: Các duyên chứa nhóm hữu vi vô vi tất cả đều như thế. Nên biết: Hữu vi tức duyên tập gọi là hữu vi duyên tập. Nếu lấy vô vi làm duyên tập thì gọi là vô vi duyên tập. Và mở thêm Trung hạ Tịch quang tức hợp mà nói ở trong quả báo. Đây là chúng sinh ba cõi... ngài Kinh Khê nói: Nếu lấy “đều mê” thì chỉ có hai cõi, tức là Đồng cư và Hữu dư, nếu lấy “phần mê” tức chỉ cho cả Đồng cư, Hữu dư, Quả báo. Nếu lấy toàn “phần mê” thì tức là cõi quả báo và phần Trung hạ của Tịch quang. Thế nên trong văn câu trên nói: và “Khai thêm phần trung hạ của Tịch quang”. Cho nên lấy “phần mê” đều ở vô vi duyên tập.

Tiếp căn cứ giáo và giải thích vấn nạn, giải thích ba cõi đã riêng, không phải đồng, là vô vi mà hữu. Ba cõi, tức là phương tiện, quả báo và Trung hạ Tịch quang. Chỗ mê lý đồng tức là mê Trung đạo. b, Là giải thích chỗ mê đã đồng, không nên ba cõi sai khác mà vấn nạn. Ý hỏi rằng: Chỗ mê đã đồng thì cõi chỉ nên một. Ý đáp rằng: Hoặc đoạn cạn sâu nên cần phải phân biệt cõi. Chỗ mê lý đồng nên đều gọi là vô vi. Trong ý đầu, thì thứ lớp trình bày bốn giáo sinh ra ba cõi không đồng. Trước nói Tạng, Thông chỉ sinh ra cõi phương tiện. Năm người là tạng Nhị thừa và Thông Tam thừa. “Thọ Biến dịch...” là Thích luận nói hai chết thì thuộc Biến Dịch. Ở Nhiếp luận nói bảy chết thì thuộc phương tiện khai bảy hợp hai, hai gồm hết cả bảy. Nói bảy mà chỉ có hai. Kế, “Biệt Viên...” là nói Biệt Viên Phạm và Thánh đều sinh ba cõi. Đoạn Thông hoặc thì đều là vị nội phạm. Biệt thì Thất trụ trở lên, Viên thì thất tín trở lên đều sinh cõi phương tiện. “Và thấy kiến ...” là thấy

chẳng Không, tức là phần chứng Trung đạo, tức Địa của biệt, trụ của viên trở lên đều sinh cõi quả báo. “Nếu mười...” là lấy ba phẩm nhân của Tịch quang mà đối với Thập địa Đẳng giác và diệu giác. Cho nên Thập địa Đẳng giác gọi là phần Tịch quang độ. Tịch nhân tức là Tịch quang vậy. Phần chứng đã sâu riêng gọi là tịch diệt. Hữu hậu tức Thập địa, vô hậu tức Đẳng giác. “Tuy lại...” là ý kế. Chỗ mê lý đồng, cho nên gọi là vô vi. Giải thích: Cõi đã có bốn thì duyên tập cũng phải có bốn. hỏi bốn thứ duyên tập, đó là:

1. Hữu vi.
2. Vô vi.
3. Tự thể.
4. Pháp giới.

Đây là luận sư lập ra, nhà ta chỉ dùng hai tên, nên cần phải tìm hỏi. Ngài Kinh Khê nói: Ý hỏi này là: Luận sư đã lập bốn thứ duyên tập. Nay nhà lại lập bốn thứ chúng sinh, sao không dùng bốn để đối bốn, hữu vi sinh diệt... thứ lớp đối nhau? Trong đáp cũng đã tạm nhận như thế. Tiếng “có ngại gì”, là nhân bài bác luận sư nói tự thể, pháp giới không khác gì vô vi, chỉ tên khác mà nghĩa đồng, sao cần phải lập riêng. Nếu đối nghĩa vô vi mà phân ra làm ba, thì chấp nhận có lý ấy. Song ba thứ tập này đều ở Trụ địa của Biệt Viên trở lên, nên không lấy ba mà đối ba thứ chúng sinh. Muốn lia vô vi để đối ba, thì vô vi là Sơ địa trở lên, Tự thể là Thập địa, pháp giới có thể đối với Đẳng giác song thực ra là không bằng. Gọi thẳng là vô vi. Vô vi đều là chương trong vô minh, cho nên cần hợp chung làm một vô vi.

Quán giải. Ngài Kinh Khê nói: Quán tâm là đối hai thứ duyên tập rõ ràng. Nay lại dùng hai thứ duyên tập thứ lớp đối ba quán. Quán tướng còn thô thì duyên tập chưa dứt, nên cần phải luận một tâm ba Quán cùng lúc đều phá hai thứ duyên tập, tức ước Lục tức và duyên tập dứt hết.

Giải thích riêng, nêu ý phân chương, y chương giải thích, Ước ngang với cõi Đồng cư. Ngài Mãn Nguyễn thành Phật như kinh Pháp Hoa xét lường chỗ ở, tức xem chỗ ở quyển thuộc nhiều ít, nếu nhiều thì nhà lớn, ít thì nhà nhỏ. Tu thiện nhiều ít... là nếu chúng sinh tu thiện nhiều thì trang nghiêm hơn nhiều như Đức Di-đà, nếu chúng sinh tu thiện ít thì trang nghiêm kém như Đức Thích-ca. Trong câu thứ ba, nay nói Bồ-tát điều phục... Điều phục tức câu kế. Chuẩn theo ý văn này thì hai câu trước và hai câu sau là phương tiện. Cho nên biết giáo hóa điều phục vốn là khởi căn Phật tuệ.

“Tùy các...” là giải thích câu khởi căn, ý cũng như thế. Nói khởi căn Bồ-tát, đã nói nhân căn yếu là sáu căn, khởi căn để nhận cõi nước. Nên biết Tiên Quang Minh Tịch Mặc Bồ-tát... đều ở tại Đồng cư Tịnh uế hai cõi. Đến nay trong văn cũng nói hai cõi ở trước, đầy đủ như văn sau ở phẩm Bồ-tát hạnh là ở phẩm ấy Phật nói rộng cho A-nan về Cõi Phật. Nghĩa là Phật Quang Minh Bồ-tát hóa nhân, Phật, y phục... gồm mười bảy việc. Vì lấy bốn câu ở hai cõi, nên gọi là ngang, mỗi mỗi đối riêng nên gọi là dọc. Dọc đối bốn cõi, có hai: a, Nêu bày. Dọc đối, ngài Kinh Khê nói: Tùy thể cõi ấy đối với hoặc tăng hay giảm mà được các cõi nhiều ít không đồng gọi là dọc, “Văn đầu...” là chánh giải thích, Ba câu trước phối với ba cõi. Cụ phước tức là ba hoặc còn nguyên. Tịnh uế cũng thế, tức là phẩm loại quốc độ cũng vô lượng. Hay điều phục những khó điều phục, là kiến tư phiền não, mà phàm phu khó thể điều phục nên nói là khó điều phục.

Hai câu sau phối với Tịch quang, Chánh giải thích, dẫn loại giải thích nghĩa. Ngài Kinh Khê nói: Trong kiến chung riêng là lấy căn đối cảnh mà được tên chung riêng. Vì Căn có sáu, Tuệ có một tùy nghi không đồng, không phải tức có đối với cõi chung riêng. “Như Thanh văn...” là dẫn loại. Tướng chung, nghĩa là bốn Đế nói chung về nhân quả. Tướng riêng nghĩa là mười hai nhân duyên nói riêng về ba đời nhân quả. b’, “Cho nên hóa...” là dẫn chứng giải thích thành, Dẫn chứng. “Tức là...” là giải thích thành. Do ở căn và trần thấu suốt ba Đế, đầy đủ các pháp nên được tên là Phật nhãn. Ý Phật cũng do ba Đế đầy đủ gọi là không, tu, diệt. Liễu giải: “Cho và đoạt nhân quả...”, ngài Kinh Khê nói: Nhân cùng quả đều được vô sinh tịch diệt chủng trí. Cho thì Tịch quang thông nhân chung ở Trung Hạ, đoạt thì Tịch quang riêng ở cực Địa. Vì vị trên dưới đều được vô sinh Tịch nhãn chủng trí. Riêng thì Tịch nhãn không chung với nhân dưới. Loại chung cả bốn cõi. Như bốn nghĩa trước, là chỉ ngang trước mà giải thích cõi Đồng cư đủ bốn. Lại ở văn này cùng chung bốn giải thích. Bốn thông Tịch quang..., ngài Kinh Khê nói: Trong đó Tịch quang chỉ dùng Trung hạ giáo hóa điều phục, Phật tuệ dần sâu, khởi căn thành tựu mà nhập vào Thường tịch quang rốt ráo.

Căn cứ vào Quán tâm, Chánh nói Quán pháp. Trước nói hạnh nguyện, căn cứ sự thành Quán hành, gồm nhiếp chúng sinh và cõi. Cảnh là chỗ nương của tâm, tâm tức là Năng quán, Quán tức chúng sinh. Cảnh tức chỗ nương, cũng như Quốc độ. “Chúng sinh giả...” , chúng năng Quán là nghĩa chúng sinh. “Nay nhân...” là riêng nhiếp ngang dọc. Căn cứ ở sự mà giải thích có ngang có dọc. Nay nương sự

mà thành Quán mỗi mỗi nói rõ. Nương dọc thành Quán. Ngài Kinh Khê nói: Trong Quán tâm nói nhiều ít, tức là nhân duyên và Không. giả. Trung đối luận nhiều ít. Như lúc đầu Quán tâm chưa dám khắp duyên lại duyên với nhân duyên. Ở trong nhân duyên mà tùy đối tùy chiếu, nên nói là ít. Quán cảnh thuần thực, kế tâm giữ khắp, nên gọi là nhiều. Kế đến Không giả Trung nhiều ít chuẩn theo đó mà nói: Cảnh tức như cõi nước, hoặc tăng hoặc giảm. Thứ lớp và không thứ lớp căn cứ lệ đó mà biết. Đây giải thích câu đầu. “Điều năng...” là giải thích câu hai. Kế “như thị...” là giải thích câu ba. Kế “khởi Bồ-tát...” là giải thích câu bốn. “Lại nữa...” là nương ngang thành Quán. Ngài Kinh Khê nói: Trước đối câu đầu, điều cùng không điều phục tức câu thứ hai, nhập cùng không nhập tức câu thứ ba, khởi cùng không khởi tức câu bốn. “Thâm thức...” là căn cứ quán khởi thế nguyện. Ngài Kinh Khê nói: Căn cứ Quán nói khởi thế. Ngang lấy bốn cõi để đối bốn tâm, chỉ dựa theo hai thứ duyên tập mà làm. Duyên tập ở nhân rất cần phải đối Quán. Văn có hai: a, Quán hữu tâm mà khởi thế, lại nhiếp câu đầu của kinh. b, Quán Không tâm mà khởi thế, tức nhiếp câu bốn của kinh. Nhiều ít tức câu đầu. “Nếu chỉ...” là kết bày việc cần nhau. Ngài Kinh Khê nói: Trong kết Quán trên tất cần có hạnh nguyện, sự lý giúp nhau. Nên dọc đối thuộc hạnh, ngang đối thuộc nguyện. “Hành nhân ...” là giải thích Sự. Ngang dọc vốn ở Quán tâm. Cho nên đem văn trước dùng Quán hành. Đã nói Quán tâm tất cần ở mình vì các chúng sinh Không rời tâm nên tâm mình đã thế thì tâm người khác cũng thế. Thế nên văn nói ý ở đây vậy.

Dẫn chứng kết yếu, có hai: a, Dẫn chứng. Ngài Kinh Khê nói: Dẫn Đại Tập là chứng việc cần Quán, Quán thành thì tâm tịnh, tâm tịnh tất hay sự tịnh. b, “hành nhân...” là kết yếu. Từ đây mà khởi, tức là từ Quán mà khởi bốn cõi.

Dựa vào giáo nêu văn. Hoặc đoạn không hết tức là Thánh nhân. Nếu căn cứ Tạng, Thông mà đoạn không hết, tức là ba quả sáu Địa rồi lại đều ở Thánh vị. Nếu căn cứ Biệt Viên mà đoạn không hết, tức là sáu tín sáu Trụ rồi lại cũng là nội phạm. Nay nhìn Tạng, Thông gọi chung là Thánh. Thấy chân Trung đạo, tức là Biệt địa, Viên trụ phần chứng Trung đạo. Vô Vi chưa hết, tức là Địa trên vô minh vẫn còn. Vô vi sắp hết, tức là Thập địa Đẳng giác. Vì chúng sinh được hóa độ này mà lấy Trung hạ Tịch quang. Ngài Kinh Khê nói: Trong ước giáo thì mỗi mỗi câu đều xét theo bốn giáo, đều trải bốn cõi cho đến trong cõi quả báo mà có Biệt giáo, là chỉ còn giáo đạo. Đến cõi Tịch quang mà nói Viên giáo là chung cả Trung Hạ. Lại từ cõi Hữu dư để lấy cõi quả báo dùng

Biệt Viên là dùng riêng Địa tiền và giáo đạo mà thôi. “Đây giải thích ...” là theo văn kết ý. Văn sau phần nhiều giải thích ngược, ngài Kinh Khê nói: Phẩm Bồ-tát hạnh kể đầy đủ bốn nghĩa trước, không thiếu nhưng không có thứ tự. Thứ nhất thì giải thích nghĩa thứ tư, thứ hai thì giải thích nghĩa thứ ba, thứ ba thì giải thích nghĩa thứ hai, và thứ tư thì giải thích nghĩa thứ nhất. Văn sau tuy ngài Chương An có bổ túc thêm nhưng không trái ý chỉ của Tiên Sư. Kết thành, có hai dụ để hiển sáng, Phân khoa và tùy giải thích, Khai dụ thành. Ngài Kinh Khê nói: Bốn Bất Khả thuyết gọi là Không, nghĩa là đều không nói như thế là mất ý chỉ bốn Bất khả thuyết. Cho nên phải nương vào bốn Bất khả thuyết có nhân duyên mà nói, đầy đủ Bi trí nhận lấy cội mà lợi sinh. Hay đối với trong Không để thấy chẳng Không. Giáo hóa điều phục nhập vào Tuệ mà khởi Căn, bèn đối với chúng sinh mà làm xong việc. Cho nên nói là Không địa. Tùy ý nên có, vô ngại nên không. Cho nên nói bốn Bất Khả Thuyết, nên gọi là Không, Địa tức là nơi nương của Bi Nguyện, Không tức là Địa. Nói Cung Thất là chỗ nương của chúng sinh vì chúng sinh mà nhận lấy cội, cội thành thì vật được lợi ích.

Khai dụ không thành, tiếp nói Hợp dụ, thành. “Nếu thuận dụng...”, ngài Kinh Khê nói: Kinh này bài bác Nhị thừa mà nói Bồ-tát Thông giáo sao cũng có thể Tịnh. Vì sao lại nói Thông giáo Bồ-tát có nhân tịnh độ, song chỉ để ngăn việc Thủ chứng không mà thôi. Tiếp nói hợp chẳng thành dụ Không.

Phần đáp nhân, Phân khoa nêu ý. Hồ tương thiệp nhập là ngang trái các hạnh đều dọc suốt tận nguồn tâm. Dọc tận nguồn tâm cũng là ngang gồm các hạnh, cho nên nói không được lìa nhau. “Cố Tiên...” là trước nói theo ngang, sau nói theo dọc từ rộng đến biểu thị, ngài Kinh Khê nói: Rộng là biểu thị ngang, dài là biểu thị dọc. Điều hiện lọng là chánh biểu thị giúp nhau ngang dọc không hai, mà ngang mà dọc. Lại mười phương chư Phật là biểu thị cho ngang. Chư Phật nói pháp cũng có thể biểu thị cho dọc. Điều ở trong lọng không hai cũng thế. Lại cùng nêu văn mà giải thích. Giải thích văn kinh cần phải hiểu thấu ý văn. Nếu văn kinh luận ngang thì giải thích theo nghĩa dọc. Nếu văn kinh luận dọc thì giải thích theo nghĩa ngang. Rộng dài cùng ở đó, thân và cội cũng thế, nên biểu thị không hai. “Nay trước...” là tùy văn giải nghĩa, Ngang trái các hạnh tu nhân, Phân khoa. “Sơ Tam...” là tùy giải thích, căn cứ ba tâm, Phân chương. b] Tùy giải thích, có bốn: 1’, Nói riêng, có hai: 1”, Phối danh. Ba thứ tâm Bồ-đề, tức là đạo tâm ba thừa. Giải thích nghĩa, trực tâm. Thâm tâm, Chính nói thâm tâm và Liệu giản chung

với trước, Nói căn cứ Tiểu tu Đại, ngài Kinh Khê nói, ý hỏi này kinh nói trực tâm, Thâm tâm là tịnh độ Bồ-tát..., hai tâm này là tâm Nhị thừa. Vậy Bồ-tát sao lại tu tâm Nhị thừa? Trong lời đáp: Tuy mượn nghĩa Thông giáo nhưng chưa sáng tỏ, nên phải dẫn Pháp Hoa mà giải nghĩa. Tuy là nhiếp vật tu tâm Nhị thừa nhưng vốn ước hẹn tịnh độ, nên được dẫn để giải thích. Nói gồm mang Nhị thừa. Hỏi trong đây... ngài Kinh Khê nói: Văn kinh chỉ nói trực tâm và Thâm tâm như giải thích trước, đều là Bản thể hạnh nguyện của Bồ-tát. Nếu trong văn có nêu tịnh độ lại không có tâm Nhị thừa, chính là đối thêm vào tiếng Nhị thừa. Ý đáp: Chỉ nói trực tâm không nói Nhị thừa, ấy là mang phương tiện nên không ước nói. Vì nói Nhị thừa thì có hại cho Đại thừa. Nếu nói Bồ-tát thì hại cho Tiểu thừa. Ý đã bao gồm cả hai, nên chỉ nói Trực và Thâm mà thôi. Nói chuẩn đây mà nhìn sang, ngài Kinh Khê nói: Lời kinh này có ngầm ý, chưa thể tiến hành bày rõ mà nói. Tòa này để hiển dụng Tiểu thừa, nguyên đều là người tu tịnh độ. Cho nên biết Bồ-tát tu hạnh Nhị thừa là nhiếp hóa chúng sinh. Nếu muốn hiển nói, cần dựa vào ý kinh Đại phẩm và Pháp hoa.

Hỏi: Chuẩn nhìn Pháp hoa có thể có lý này, còn Đại phẩm thế nào?

Đáp: Tất cả các pháp hướng đến đều duyên với Đế, là tiếng pháp hội Ma-ha-diễn bởi có như thế, cho nên có các pháp hướng đến tâm Nhị thừa.

Hỏi: Tuy nói lời này cũng chưa thấy nêu ở văn Đại phẩm. Đại phẩm chỉ nói Bồ-tát Tam thừa công vị và Thập địa đều học hạnh này. Sao lại hiểu là hạnh tịnh độ?

Đáp: Đã không thủ chứng thì lý ở việc độ sinh. Nếu tu nhân tịnh độ mà làm nhiếp pháp để nhiếp hóa chúng sinh thì cũng thông cả tâm Nhị thừa. Thông giáo còn thế thì Biệt Viên cũng rõ ràng.

Kế dẫn Đại luận, đã nói có cõi thuần Tăng Thanh văn, tức là Thanh văn đến sinh cõi nước ấy. Đã có Sở dẫn há lại không Năng dẫn. “Đế duyên ...” là kết vấn nạn, tức là hạnh của người Năng dẫn. Tiếp nói ba thứ này sau cùng hiển một thứ. Theo phần nhiều mà luận. Ngài Kinh Khê nói: Nếu trông sang các cõi thì đạo lý có hợp mà chưa khai hiển. Cho nên nói mười phương đều có việc này. Chỉ nghe hiển sáng là nhiều. Thế nên trước nêu các văn giáo hóa, tuy có ngang dọc căn cứ chung các Cõi trong đó, há lại không có chưa khai hiển. Cho nên lý văn kinh này cần mười phương ngang dọc mà giải thích. Song cũng còn có những cõi chưa khai hiển, bỗng lúc ấy dời đến cõi khác, hoặc dùng

Mật giáo ở cõi ấy mà khai. Như Pháp Hoa Sớ giải thích về chiếu Đông phương. Tất cả đều khai là dẫn đồng, cho nên chỉ chiếu kẻ đồng chứng. Ý kinh có khác không thể theo một chuẩn mực. Tâm Đại thừa, hai thứ thông minh, có hai: a, Chính nói nghĩa thông, có ba: a, Nêu nghĩa: Chỉ là một tâm tự tánh thanh tịnh, tức là một tâm tam thiên ba đế. Đây là căn cứ một tâm mà có ba tên, đó là trực, thâm và đại tâm vậy. Giải nghĩa như văn.

“Bồ-tát ...” là giải thích thành. Vô tác bốn đế là ám nhập đều như, nên không có khổ để bỏ. Phiền não tức Bồ-đề, nên không có Tập để đoạn. Biên tà đều trung chính, nên không có đạo để tu. Sinh tử tức Niết-bàn, nên không có Diệt để chứng. Mà bốn pháp này chỉ là một tâm, vốn “không” tạo tác, nên gọi là vô tác. Gọi là thâm pháp nhãn, là ba đạo tức ba đức, nên gọi là thâm. Nhất thật đế, là Biệt Viên chứng đạo đồng hiển ba Đế, gồm chứa không gì ngoài, nên gọi là Nhất thật. Vượt ngoài hai biên nên gọi Nhất thật. Nếu dựa theo giáo đạo thật là hoặc che, đã không tương tức thì nghĩa khác Viên. “Nay đây ...” là kết bày. Không có ba thứ sai khác, ngài Kinh Khê nói: Nên căn cứ ba tâm để nói ba đức. Lại ba tâm này nghĩa chung hai giáo Biệt Viên, nhưng cũng không thể trước sau đều khác. Nói là tên khác của ba đức, Đại thừa tức giải thoát, thâm tâm tức Bát-nhã, trực tâm tức pháp thân. Đại thừa chỉ do Bi nguyện mà được tên, cho nên đối giải thoát tức là sơ tâm trụ ở ba đức, là đã đối ba đức lý hợp đều ba. Tiếp đối xưa mà hiển nay. Xưa luận đẳng, là xưa chỉ cho các kinh Phổ Tập Phương Đẳng. Nay nói Đẳng, là ngài Kinh Khê nói: Các kinh trước đây chỉ nói Chánh báo, chỉ nói ba thân đối với bốn giáo. Hai giáo trước Phật đều gọi là Ứng, cho nên nếu lấy y nhân để đối bốn cõi, thì Đồng cư, hữu dư đều gọi là Ứng độ. Cho nên nay thân và cõi hoặc bốn hoặc ba. Y nhân, tức là nhân nhận cõi để lợi vật. Nếu đối duyên tập hữu vi, vô vi cho đến sinh tử Phần đoạn, Biến dịch thì cõi nước phải phân bốn, tức hai cõi Đồng cư, phương tiện, Thật báo, hai tập, hai chết đều phân làm hai.

Tiếp nói Quán tâm. Không Giả hai Quán ba tâm đều đẳng, ngài Kinh Khê nói: Lại nhờ từ trước nay, chung riêng hai giải thích, đến văn này cùng thành nghĩa Quán. Ba tâm khác nhau, đầy đủ như giải thích riêng. Nếu giải thích chung về Không giả ba tâm, thì cũng bao gồm cả Đại. Vì Thông giáo Bồ-tát cũng nhập Không quán, bèn dùng Đế duyên. Giả ba tâm, là Tạng, Thông Bồ-tát tự Quán đế duyên cũng đủ ba tâm. Trung ba tâm mà nói một mà ba, ba mà một, là hai chưa tức Trung, nếu Trung ắt tức hai, vì Phạm quán vạn cảnh đều không hai. Nếu phân Biệt

Viên là đối với Sơ tâm hậu tâm của hai giáo này thì Sơ tâm Biệt giáo nghĩa ở Không giả. Cùng hai giáo trước ba thừa nghĩa đồng.

Tiếp, giải thích kinh, Giải thích trực tâm, trước dựa vào giáo nói đấng, ngài Kinh Khê nói: Trước kinh Phổ Tập chuẩn theo giáo tu hành nhận quả Pháp thân. Nay không phải Không giáo. Nhưng đối giáo hạnh lại thêm Bi nguyện mà thành tựu nhân tịnh độ.

Hỏi: Văn này trước sau đều nói kinh này căn cứ ở Y nhân (nhân Y báo), trong đây vì sao lại dẫn ngài Quang Nghiêm để chứng đó là Chánh nhân (nhân Chánh báo) ?

Đáp: Đạo tràng là chỗ, nghĩa đúng là Y nhân, mà cũng có thể dùng biểu thị cho năng y Pháp thân. Hướng lại kinh này cùng biểu thị cả Y và Chánh, nên nêu các hạnh đều đủ cả hai thứ.

Hỏi: Vì sao đây lại dùng giải thích riêng ở trước mà làm câu hỏi thông ngay cả duyên và độ há chỉ có riêng ĐẾ ư?

Đáp: Trong có hai ý:

1. Để tiện lợi.
2. Nhiếp cái khác. Thế thì cả hai đều dùng tên riêng kia để thành nghĩa chung.

Tiếp, giải thích riêng, Giải thích trực tâm, Nêu năm thứ trực tâm, ngài Kinh Khê nói hoàn toàn giống dọc. Như sau Bồ thí tiếp đến Trì giới cũng gọi là ngang, mỗi mỗi lại thông năm thứ trực... cũng được tên dọc. Trong dọc này lấy năm vọng, năm phục làm ngang, cũng gọi là dọc, Song cuối cùng là ngang, chuyên đối ngang là có thể được, ngay một trực của thế gian cũng có nhiều thứ. Như trong ba cõi thì kiến ái đều khác. Dẫn lời ngạn ngữ nói si trực, là chỉ các trực ở thế gian lấy si làm gốc. Lấy đó mà nói cũng đủ tham sân. Các Thông Biệt sau cũng như giải thích trước. Ngạn là lời tục nói. “Năm thứ này ...” là phán quyết Quyền thật.

“Nay Viên...” , là nói Bồ-tát Viên tu, Tu quán hành. Biết tất cả pháp..., Biết tức người hay quán, tất cả pháp tức cảnh được quán. Tiếng “tất cả” là không ra ngoài mười giới, một trăm giới gồm cả không trung. Cho nên đều cùng không phải. Không phải chín giới, tức không phải Quyền, không phải Phật giới, tức không phải Thật. Trong Không tức giả mà hay song tu song dụng. Tu bốn trực trước là tu quyền, tu trực viên giáo là tu thật. Tu thành có dụng, lại dùng năm trực để hóa tha, nên nói là song dụng. Trong đây mới tu ở vị danh tự, tu thành song dụng đều ở năm phẩm. Ở vị năm phẩm thì hay hóa tha, tức là trong chỉ quán nói về bậc Viên thượng căn xuất giả. Trí Giả tức là người ấy. Nhưng song

dụng này ước vào đời Phật có hiển có mật. Hiển là Bồ-tát Phương Đẳng đương giáo, Mật là hai giáo Nhị thừa trong đây. Mật chỉ ngầm dùng ý Pháp Hoa, không phải là thể của Bộ này. Như luận về dụng giáo đều là lý ấy. Cho nên nói dạy người khác tu hạnh năm trực. Văn này gồm có bốn tâm:

1. Tự tác.
2. Giáo tha.
3. Tán thán.
4. Tùy hỷ.

Tự tác thuộc song tu, còn giáo tha, tán thán, tùy hỷ đều thuộc song dụng. Ngài Kinh Khê nói: “Viên Bồ-tát ...” là nói tu hành tướng tịnh độ. Tất cả Bồ-tát đầy đủ bốn tâm này mới gọi là Đại hạnh. Nay đủ cái rốt sau nên gọi là Viên. Gồm cả ba thứ sau, cho nên tướng bốn tâm thiếu một không thể được. Đầy đủ như Chỉ Quán Ký dẫn văn Đại luận. Cho nên ở năm trực cũng đủ bốn tướng mà thành hạnh tịnh độ. Đạo lý tuy thế là vì biết được ý chỉ ấy. Nếu thật hành thì người hai giáo trước lấy hai, ba thứ trước mà làm Quyên. Chuẩn Biệt Viên mà nói có thể được ý. Mỗi thứ đều dạy khiến nhập vào Thật của đương giáo. Nếu người gốc Viên giáo chỉ vì nhiếp Đồng thể mà nhiếp giữ lấy. Lại người ở Thông cũng nói là tu hạnh tịnh độ. Nếu dùng đương giáo tuy có văn ấy vẫn là do lợi người mà kham tiếp độ (cõi). “Bồ-tát ...” nhập vị tương tợ, đã từ quán hành mà chuyển nhập vị tương tợ. Song dụng năm trực bội thắng ở hai thứ trước. ‘Nếu nhập...’ là giải thích việc sinh đến. Cho nên biết bậc trụ tiền tu năm Trực. Nếu nhập sơ trụ tám tướng thành đạo thì số người được giáo hóa trước sẽ sinh về cõi nước ấy. Phần chân thành Phật, đây tức giải thích kinh nói khi Bồ-tát thành Phật. cho nên biết, kinh nói Bồ-tát chính là chỉ bậc Trụ tiền, nói thành Phật chính là ở sơ trụ. Ngài Kinh Khê nói: Lại nói thành Phật bất tất phải là Diệu giác. Thông thường thì lấy Địa trụ của Biệt Viên trở lên. Từ vị này ...” đều đủ tám tướng. Cho nên tất cả thân cõi mười giới đều nhận sinh. Hoặc lại Phật xưa Thù tích lợi vật. nay văn chánh là ở Thật hạnh Bồ-tát. Cho nên tiếng “Thành Phật” cần hiểu thông thường. “Các văn sau đây...” đại ý đều như thế. Từ Tợ nhập chân để thành hóa tướng. Trong quả phần chân thì ba cõi không đồng. Vì thường Tịch quang không có nghĩa thành Phật. Nếu khai Trung hạ chuẩn đó mà nói thì có thể biết.

“Tức hiện...” là nói chúng sinh được hóa độ sinh đến. Đây tức giải thích kinh nói chúng sinh Không siểm nịnh đến sinh nước ấy. Sinh Đồng cư. Đầu tiên thì phó duyên... là nói bày năm thời giáo hóa. b, Sinh hữu

đư. Sinh Thật báo. Không có hai biên... ngài Kinh Khê nói: Đang ở trong hoặc nên gọi là siễm, hoặc đoạn hết rồi thì gọi là trực. Sinh Tịch quang. Đây là căn cứ Trung hạ Tịch quang. Tức mười Địa Đẳng giác. “Hai nghĩa...” là Kết chê. Trực tâm có năm, sinh cõi nước có bốn, nên nói nhiều chúng. Đây là kết bày chúng. Há có thể ...” là chê giải thích khác.

Tiếp, giải thích thâm tâm, chia văn tiết mà giải thích. Chuẩn theo trực tâm có thể thấy. Văn hoặc có thể thiếu thì xem lời nói trên. “Từ đây...” đều như thế. Đâu cần phải lìa mười hai nhân duyên, là pháp môn vô lượng thì nhân duyên gồm hết. Hoặc Sự hoặc lý, là đối với năm thâm tâm thì một Sự bốn lý, cũng có thể là bốn sự một lý. Duyên giác thâm tâm..., ngài Kinh Khê nói: Trong chung có riêng, ý vẫn ở tại chung. Kế chỉ đủ có ...” là phân ngang dọc, Thông Biệt gồm đủ vì đầy đủ ở bốn thứ bốn cõi.

Giải thích tâm Đại thừa. Tức bốn giáo Đại thừa... ngài Kinh Khê nói: Hỏi trước giải thích riêng nói Đại thừa chỉ ở Biệt Viên, hai tâm Trực, Thâm chỉ ở Nhị thừa, nay trong văn này sao được nói chung bốn? Đáp: Trước riêng đây chung, lý thường như thế. Nếu trong giải thích chung tuy đều có năm giải thích đối trong Đại thừa lại từ thế gian, suy nghĩ có thể thấy. Nay cho rằng trực thâm tâm ở thế gian đều có, còn gọi Đại thừa chỉ có ở xuất thế. Cho nên khiến sơ Thích Đại thừa chỉ nói bốn giáo. Lại còn nên biết: Tuy chuẩn có năm giải thích, nay Đại thừa này nhìn hai tâm trước toàn phần là trừ thế gian, từng phần là trừ hai thứ kia. Vì Tạng, Thông của Đại thừa Không phải Nhị thừa, nên không đồng trực tâm, thâm tâm vì chỉ ước ba thừa. Trên cầu...” là giải thích tên. Phạm đại thì có nghĩa là bao quát rộng lớn. Bồ-tát bốn giáo đã trên cầu Phật quả, dưới hóa độ chúng sinh, bao gồm trên dưới, mà nói rộng lớn vậy. Hàng Nhị thừa tự độ cầu và hóa đều không, trái nghĩa bao quát rộng lớn, nên gọi là Tiểu. “Đều duyên...”, thừa có nghĩa là chở chuyên. Nương cảnh khởi thệ tu hành đến nguyện, tự chuyên chở thì từ nhân đến quả, chở người khác thì xuất phạm nhập Thánh. Mình người đều chở chuyên, nghĩa thừa là ở đây.

Căn cứ tự hành, Ý đến. Ngài Kinh Khê nói: Nếu không có ba tâm... thì chân thật là trực tâm, cao là thâm tâm, rộng là Đại thừa tâm. b, “Bố thí...” là chánh giải thích, bố thí Giải thích năm thứ bố thí, Ngài Kinh Khê nói: Bố thí có năm, cũng là Bồ-tát cùng Nhị thừa bố thí để làm nhân tịnh độ nên có chia làm năm thứ và bốn giáo. Bồ-tát bố thí, là Tạng, Thông gồm cả Nhị thừa nên chỉ lược nêu Bồ-tát mà thôi.

“Thế gian...” là giải thích, Thế gian sự bố thí, tức lục đạo thí. Ngài

Kinh Khê nói: Song thế gian trực tâm và thâm tâm cũng có hợp và ly thành sáu, trong sáu mỗi thứ đều phân rõ. Tài thí phi pháp hoặc phi lý mà cầu tài, hoặc bố thí trái chánh pháp đều gọi phi pháp. Nếu trì Thập thiện sẽ đến hai đạo trời người, mỗi thứ lại phân làm nhiều loại. Người thì có bốn tánh “dòng), trời thì phân ba cõi. Trong người lại có cư sĩ thuộc bốn tánh. Nói bốn tánh “dòng):

1. Bà-la-môn tịnh hạnh giữ đạo, không vợ con.
2. Sát-đế-lợi dòng vua, vua cai trị đời.
3. Tỳ-xá, là thương nhân, trao đổi có không.
4. Thủ-đà, là nông dân, siêng năng cày cấy.

Phàm bốn dòng này không thể cưới hỏi lẫn nhau, làm ăn khác lối. Đây nói cư sĩ hoặc dòng Bà-la-môn hoặc dòng Sát-đế-ly. Như giòng Tỳ-xá ở nước ngoài xưng là cư sĩ đều là dòng vua chúa, chỉ vì ở nhà không ra làm quan chức nên gọi là cư sĩ. Nếu giòng Bà-la-môn mà không xuất gia thì cũng gọi là cư sĩ. Trong văn nói đầy đủ về tướng bố thí, tức nhân của năm hạng người. Nếu khinh tâm..., là tâm không ân cần kính trọng nên nói là khinh định, ngày, định của gọi là cục, chọn người mà thí nên gọi là hạn ngại. “Nhược thắng phẩm...” là Thiên thí. Từ văn đầu đến được sinh là tạo nhân trời cõi Dục. “Nếu trì giới càng tinh tế...” là nhân trời cõi Sắc. Trời cõi Vô sắc suy thì biết.

“Nếu ba...” là thí trạch giác của Bồ-tát bốn giáo..., ngài Kinh Khê nói: Trạch pháp thuộc tuệ, nay ở bố thí là thành thí. Cho nên thí mà không được tuệ, thì nhân xuất thế không thành.

Thi-tỳ thay chim câu, trong Đại luận nói: Như Đức Thích-ca xưa tên Thi-tỳ được Đà-la-ni quy mạng cứu hộ, xem chúng sinh như mẹ thương con. Đế Thích cùng Tỳ-thủ Yết-ma cố ý đến thử thách. Tỳ-thủ biến làm chim câu, Đế Thích làm chim Cắt. Chim câu bay trốn vào nách vua Thi-tỳ run rẩy, mắt nhìn kêu cứu. Chim cắt đậu trên cành cây gần đó bảo vua: “Hãy trả chim câu cho tôi!”. Vua nói: “Ta đã phát nguyện độ tất cả chúng sinh”. Cắt nói: Tôi không phải là tất cả chúng sinh sao, mà lại cướp thức ăn của tôi? Vua nói: Người cần ăn gì? Cắt nói: Tôi cần thịt tươi thấm máu. Vua bèn tự cắt thịt đùi của mình mà trao cho. Cắt nói: Nên cân nặng nhẹ cho công bằng. Vua bèn lấy cân, cân chim câu. Nhưng thân chim câu càng nặng mà thịt vua lại càng nhẹ, mãi đến cả toàn thân vua. Đầy đủ như trong Phụ hành quyển năm đã dẫn.

Thích-ca nai chúa chết thay. Đại luận có nói: Xưa vua Ba-la-nại vào rừng săn bắn, thấy có hai bầy nai mỗi bầy khoảng năm trăm con và một nai chúa. Một con nai chúa mình sắc bảy báu, chính là Bồ-tát

Thích-ca, con nai chúa kia là ĐỀ-bà-đạt-đa. Nai chúa BỒ-tát thấy vua giết hại đám nai, bỗng khởi tâm đại Bi, liền đến thẳng trước vua. Mọi người tranh nhau bắn tên bay như mưa. Vua thấy con nai ấy không chịu tránh tên tất là có tình ý gì. Vua bèn ra lệnh dừng bắn nữa. Nai chúa đến trước vua quỳ xuống tâu rằng: Vua vì việc nhỏ vui chơi nhất thời khiến loài nai chúng tôi chịu chết. Nếu vua cần thịt để tiệc tùng thì mỗi ngày chúng tôi luân phiên hiến cho vua một nai. Vui vui mừng nhận lời. Do đó hai nai chúa sắp thứ tự luân phiên nhau hiến thịt. Một hôm trong bày của Điều-đạt tới phiên một nai mẹ, nàng lên thưa nai chúa: Phần tôi có chết cũng đáng, ngặt tôi mang thai, con tôi chưa đến phiên phải chết, cúi mong ngài liệu toan cho tôi được sống. Tôi không dám lạm dụng chỉ mong được ở phiên sau. Chúa nai nổi giận quát: Ai không tiếc mạng sống, tới phiên là phải đi. Nai mẹ suy nghĩ bảo chủ ta không có từ tâm, mới thấy đã giận dữ. Nàng bèn đến nai chúa BỒ-tát thưa rằng: Đại vương nhân từ, như tôi ngày nay trời đất mệnh mông mà không có nơi để kháng cáo, nên xin đến trình bày cùng ngài. Nai chúa BỒ-tát nghĩ: Nếu ta không xử lý tất giết oan đứa con, nếu không đúng thứ tự sau này khó điều khiển, chỉ có cách là ta thế chỗ. Suy nghĩ xong bèn đem thân tự hiến, nai chúa BỒ-tát bảo nai mẹ trở về bày mình rồi đến cung vua. Mọi người thấy lấy làm lạ về sự tự nộp mình của nai chúa. Bèn đem việc tâu vua. Vua hỏi: Bầy nai đã hết rồi ư, sao bỗng tự đến? Nai chúa bảo: Đại vương nhân từ không có người phạm tội, chỉ có lòng từ nấy nở không bao giờ hết. Chỉ vì nàng nai kia đến mách tôi, tôi thương tình dù không phải phần của mình nhưng không thể bỏ qua được. Nếu bỏ mặc không cứu thì không khác gì loài gỗ đá. Nếu tới số thân này không bao lâu cũng chết. Lòng Từ bi cứu nguy ách công đức vô lượng. Nếu người không có từ tâm thì khác gì loài hổ lang. Vua nghe lời ấy liền từ chỗ ngồi đứng dậy nói kệ rằng:

*Ta thật là loài thú
Mà là nai đầu người
Người tuy là súc sinh
Mà là người đầu nai.
Suy lý chính là người
Đâu phải hình mới người?
Bắt đầu từ hôm nay
Ta không ăn các “thứ) thịt.
Ta nay vô úy thí
Để an lòng nhà người.*

Đầy đủ như trong kinh, Tiêm sư nói: kinh Tu-đại-noa có nói: Có vị Bà-la-môn sau khi được cúng dường cho ăn xong liền bảo thái tử rằng: Người nước Câu-lưu từ lâu đã nghe tiếng Thái tử thích tu hạnh bố thí, danh vang khắp mười phương. Tôi là kẻ bần cùng, xin Thái tử một việc được chăng? Thái tử nói: Đối với ông ta không tiếc gì cả, nhưng ta có bao nhiêu đã thí hết rồi, không còn gì cho ông nữa. Bà-la-môn thưa: “Nếu không còn gì thì hãy cho tôi hai đứa con của thái tử, để hầu hạ tuổi già”, nói thế đến ba lần. Thái tử bảo: Ông từ xa đến cốt ý muốn xin hai đứa con tôi, nệ gì mà không cho. Khi ấy hai trẻ đang nô đùa. Thái tử gọi con đến bảo rằng: Ông Bà-la-môn này từ xa đến xin hai con, ta đã hứa cho rồi, các con hãy theo ông ấy. Hai trẻ chạy vào lòng cha khóc sụt sùi thưa rằng: Chúng con nhiều lần thấy ông ta không phải là Bà-la-môn mà là quỷ dữ!... Cho đến hai trẻ không chịu đi. Rộng như trong kinh nói.

Mười thứ bố thí, Tiêm sư nói: Bộ Hoa Nghiêm xưa, quyển thứ mười ở phẩm Vô Tận Tạng nói về Thí Tạng. Trong đó nói thế nào là Bồ-tát Thí tạng. Bồ-tát này tu mười thứ bố thí, đó là:

1. Tu thí pháp.
2. Tối hậu nan thí pháp.
3. Nội thí pháp.
4. Ngoại thí pháp.
5. Nội ngoại thí pháp.
6. Nhất thiết thí pháp.
7. Quá khứ thí pháp.
8. Vị lai thí pháp.
9. Hiện tại thí pháp.
10. Cứu cánh thí pháp.

Như kinh đã nói rộng. Lại phẩm Ly Thế Gian có nói: Bồ-tát có mười thứ thí, những gì là mười. Đó là bình đẳng tâm thí vì không ghét bỏ chúng sinh. Cho đến nói: Ba thứ bình đẳng thanh tịnh đầy đủ là người thí, người nhận và tiền của thí đều bình đẳng thanh tịnh như hư không. Luận Địa Trì nói chín thứ thí. Tiêm sư nói: Quyển bốn luận ấy nói:

1. Tự tánh thí.
2. Nhất thiết thí.
3. Nan thí.
4. Nhất thiết môn thí.
5. Thiệu nhân thí.
6. Nhất thiết hạnh thí.

7. Trừ não thí.
8. Thử thế tha thế thí.
9. Thanh tịnh thí.

Sinh tử mé sau, tức là Niết-bàn rốt ráo. Như Lai đàn, tức đạt đến thí tức pháp giới. Đàn Ba-la-mật, là bỉ ngạn (bờ kia). Tất cả pháp thú đàn, đàn tức là pháp giới, pháp giới nhiếp khắp không thứ nào không ở trong đó. Nên trong phẩm Phát hương đến có nói: Tất cả Pháp hương đến đàn là sự hương đến không quá đàn còn không thể được sao lại nói có thú hay không phải hương đến.

“Tự hành...” là nói Bồ-tát viên tu. Văn này quá tóm lược. Chuẩn theo trực tâm mà nói có hai. “Sau thành ...” là giải thích đời sau.

Trì giới. Bốn thứ trì giới, sự giới không khác nhưng do người trì giới có tâm khác, nên thành bốn thứ khác nhau. Lệ như bố thí có thể biết. Nếu nói riêng thì Tạng, Thông trì thiện tự, Biệt Viên trì Phạm Võng, chánh ngữ... thì ở Bát chánh, thứ này thuộc giới.

Nhẫn nhục. Đầu nhẫn làm gốc. Ngài Kinh Khê nói: Phàm nhẫn là nhân đốn chánh, nên xuất thế nhẫn hay cảm được quả tướng, cho nên được xem là gốc tất cả tướng. Về bốn thứ tu tướng Chỉ quán ký đã nói đầy đủ.

Tinh tấn. Chỉ ước các hạnh, nghĩa là siêng tu năm độ mà được tên tinh tấn. Nói chánh cần, tức siêng đoạn hai ác, siêng sinh hai thiện, đều thuộc về tinh tấn. Cho nên dùng bốn thứ này cùng căn, lực, giác, đạo là tám. Đây lại ở nghĩa ban đầu mà nói tinh tấn.

Thiền định.

Trí tuệ, Chánh giải thích, trí độ. Từ “trước nay ...” là chung trước mà suy nghĩa. Giải nghi. Ngài Kinh Khê nói: Ý hỏi rằng đẳng trí hữu lậu nương căn bản thiền. Nếu nói chánh định thì nghĩa chung cả năm, là bốn chánh định sau, vị ở nội phạm. Thiền thế gian thì toàn là hữu lậu phạm phu, ý này sao cho là nhóm chánh định? Ý đáp: Phân biệt mới có khác, còn hợp nói thì không ngại gì. chánh định đối với tán loạn cũng có thể dùng chung.

Căn cứ Hóa tha, Thử nêu: Há làm hạnh lục độ... ngài Kinh Khê nói: Như nói về Lục độ, Bồ-tát đều dùng để độ người nhưng pháp ấy chỉ thuộc tự hành. Nay bốn Vô lượng tâm đều là pháp tự hành mà thuộc hóa tha. Nay bốn Vô lượng tâm và Lục độ đều thành Đại hạnh và đều đủ tự và tha.

“Bốn vô...” là tùy giải thích, Bốn đẳng, vô lượng từ cảnh, bốn đẳng từ tâm. Cảnh tuy vô lượng, nhưng tâm ta thường đẳng. Bốn giáo,

thì ba giáo sau đều nói pháp duyên. Ngài Kinh Khê nói: Không phải nói pháp duyên Từ trong ba Từ đâu. Tên pháp đã chung nên đều gọi là pháp, chỉ là pháp các duyên mà thôi. Nghĩa là sinh, diệt, vô sinh là pháp vô lượng. Ở trong vô lượng mà đấm pháp duyên chữ, tức là hằng hà sa Phật pháp trong bốn vô lượng. Tức trong ba Đế có hằng sa Phật pháp. Cho nên biết đây nói pháp duyên không phải pháp duyên trong ba Từ. Cho nên biết chữ pháp cũng có thể có chung cả năm. Nghĩa là pháp của phàm phu sự..., thì Viên giáo riêng được tên vô duyên, là từ trội hơn mà nói.

Bốn nhiếp đều không phải chỗ làm của phàm Tiểu... ngài Kinh Khê nói: Như ba tâm trước, trực tâm thâm tâm chung cả Đại, nhưng Đại Không chung Tiểu. Vì hạn cục ở tên, nên trong chung cũng cần có riêng, chỉ có thể chung với các Đại thừa mà thôi. Nay cũng như thế. Như Lục độ và bốn Vô lượng tâm trước. Lý chung cả Đại Tiểu. Cho nên bốn Nhiếp này cho đến Đại thừa ..." là văn phương tiện hội hướng mà không chung với thế gian và cả Nhị thừa. giáo ấy tất không có việc này. Lại bốn vô lượng cho đến bốn Nhiếp trải các giáo riêng giải thích Tu tướng và Chứng tướng không dễ phân biệt, cũng không thể cùng tồn tại, cho nên đều lược nêu. Nói bốn Nhiếp là Bồ thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự. Nếu ở bên đồng thì các giáo hình như đồng, nhưng xét kỹ thì trí nguyện cao thấp lại khác hẳn, vì lấy trên mà gồm dưới vậy. Cho đến các vị cấp bậc không đồng, tức như bốn tích cao thấp bốn câu "trường hợp). Nay phần nhiều lấy từ hàng phàm phu thấp kém khó dạy nhất mà nói, thì tên ất chung, lý không ứng tất. Chúng sinh được nhiếp hóa, nghĩa là năng nhiếp thì có giải thoát của bốn giáo, được giáo hóa dù chung pháp thế gian, nhưng Bồ-tát hóa độ người đều khiến được giải thoát cho nên khảy móng, chấp tay đều phải theo lệ. Nên nay từ Bốn ý mà nhiếp độ.

Phương tiện, ngài Kinh Khê nói: Hỏi Tự hành... ba thứ và phá ngoại... ba thứ có gì khác nhau? Đáp: Có đồng có khác. Từ tên thì khác, mà từ nghĩa thì đồng. Tuy có dị đồng nhưng lý hợp lại khác. Nói nghĩa đồng, là Tự hành... ba tên tuy có ba pháp nhưng chỉ là hai. tự tha đối nhau không có thể riêng cho nên phá lập... ba thứ cũng không có ba tên mà chỉ có hai nghĩa. Phá lập hai thứ cùng thành Tự hành giáo tha. Nên chỉ thành hai thứ. Nếu thế đâu cần gì phải nhắc lại. Đáp: Kinh luận hợp cơ mỗi thứ có ý chỉ riêng.

Đạo phẩm pháp Nhị thừa này có phần. Ngài Kinh Khê nói: Vì pháp bốn Đế hàng Nhị thừa sơ tâm tức cần phải quán. Huống lại bốn thứ có bốn mỗi mỗi không đồng sinh diệt đều dùng đủ pháp Nhị thừa

nên nói là “có phần”. Ba mươi bảy phẩm đầy đủ như Chỉ quán và Kỳ đều là pháp giới thứ lớp, không phải đây có thể đầy đủ. Nếu chuẩn theo luận Bà-sa thì đạo phẩm hữu lậu lệ như trước làm năm thứ có gì không thể được, nhưng chỉ vì chỗ phạm phu ngoại đạo tu hành cũng là chỗ hành giả tu hành Phật pháp, chỉ chưa phát vô lậu thì gọi hữu lậu mà thôi. Chỉ có pháp ngoại đạo là không có tên niệm xứ.

Hồi hướng, khiến sinh đến đầy đủ, ngài Kinh Khê nói: Nếu không hồi hướng thì Phước thí có hạn định, chỉ cảm được giàu sang vui vẻ. Còn hồi hướng cực quả và cùng với chúng sinh khiến phước đầy đủ. Phước trí, thừa giới, thể dụng, sự lý... tất cả đều không thiếu sót. Nếu thế đối với đẳng lục độ đều đủ cả năm, há lại không đầy đủ, đâu cần phải lập riêng một môn này?

Đáp: Tất cần phương tiện thì mới đầy đủ.

Hỏi: Nếu thế việc hồi hướng phải gá nhờ các hạnh. Các hạnh tuy đều không nói hồi hướng, hồi hướng cũng không nói các hạnh. Còn mất tuy khác, nhưng nên biết là không có thể riêng, thì cần gì phải lập riêng?

Đáp: Tuy tướng đạo dẫn sở trị mỗi thứ sai khác, được tên lại khác. Thí là để trị xan tham, cho đến trí là để trị ngu si. Hồi Hướng tự làm lợi để trị quả giận. Do đó có Nguyện mà không hạnh khiến tu Lục độ thì lấy Lục độ làm tên. Nếu người có Lục độ mà không có hồi hướng thì khiến tu hồi hướng, tức từ hồi hướng làm tên.

Trừ các nạn. Tiêm sư bảo: Thành luận nói: Bồ-tát lập bốn luân để tội phục tám nạn:

1. Sinh Trung Quốc Luân hay tội phục năm nạn nghĩa là ở ba nẻo, ở Bắc châu, ở Trường thọ thiên.
2. Tu Chánh nguyện luân hay tội phục nạn thế trí biện thông.
3. Thực thiện nhân luân, hay tội phục nạn mù điếc bẩm sinh.
4. Cận thiện nhân luân hay tội phục nạn trước Phật sau Phật.

Đến ngài Thiện Cát... Ngài Kinh Khê nói: Chương đó cũng là đối Nhị thừa mà luận nạn ngoại giới. Cũng lại không ước vào phương tiện quả báo. Nếu muốn nói tóm tắt thì người ba mươi tâm trong cõi Hữu dư là ba đường ác. Trụ pháp vô ngã thì gọi là ở Bắc châu. Địa tiền pháp ái thì như là Trường thọ thiên. Chưa có Sơ địa mười thứ sáu căn thì gọi là các căn không đầy đủ. Địa tiền trí cạn như thế trí Biện thông. Không thấu suốt lý trung thì như trước Phật sau Phật. Nếu trong Thật báo mỗi vị trông nhau thực hiện từng phần. Đây đều là chương ở lý Trung đạo. Thế nên kết rằng ước bốn cõi mà chọn kỹ luận đủ, là đối ý đến mà suy

ngữ kỹ, đây không phải dễ dàng nên không lạm thuật.

Giữ giới. Cơ, Thiên Quang Nhã nói cơ là châm chọc, là hỏi, là nói. Thuyết Văn nói là chê bai. Ngài Kinh Khê nói: Bốn câu, là chuẩn theo kinh Chính dụng cú thứ hai trong bốn câu, là nhân tịnh độ chê người khác được tiện lợi dùng chung cú thứ ba. Sơ tâm Bồ-tát chưa hoàn toàn tự giữ, nên không luận. Trong cú thứ tư thì không chê một nửa lý cũng khá thông. Do không tự giữ nên cũng không phải. Chỉ ở cú đầu đều không có chỗ lấy. Kế dẫn Đại kinh chứng cú thứ ba, cho nên trong cú đầu đã không chê tự giữ, thì có ích gì? Thân ấy chẳng chánh tuy khiến vẫn không theo. Cho nên cú thứ hai Không khiến mà làm. Nếu thấy được Cơ thì nhất định dùng cú thứ hai, thứ ba vậy. Thứ hai là tự hành, thứ ba là lợi tha tức là hạnh tịnh độ vậy. Giả sử ba con... là Trưởng giả gồm có bốn con. Dụ về Phật cũng thế. Bắc Viễn nói:

1. Hủy báng pháp.
2. Phạm bốn trọng tội.
3. Tội ngũ nghịch.
4. Thập ác.

Ba thứ trước gọi là do đánh gậy mà chết, vì không đánh gậy nên thập ác còn có thể sám hối. Có nghĩa sinh thiện nên cần phải khổ trị. Trong sơ ngài Chương An lại ước giáo mà giải thích, thì ba thứ trước bị chê trách gọi là do đánh gậy mà chết. Ở Viên mà khởi tham đắm cũng phải chê trách, cho nên như một con cần phải khổ trị. Nay văn chứng giới lại đồng với lời giải thích xa. Đã nói chỉ thấy bốn cơ không nhầm, lại cần phải nương chứng cơ của ngài Chương An đã giải. Ngài La-thập chú rằng: Trên nói giới độ, nay lại nói giới, thì nghĩa không ở giới. Muốn nhân giới để nói không chê. Nó thiếu sót nên không chê. Nó thiếu sót nên không biết mình thiếu sót. Không biết thiếu sót thì không gọi là phạm cấm. Lấy đây làm hạnh. Cho nên được thứ này làm quả, thì các ác đều dứt. Nên lấy thập thiện kế tiếp. Trước gồm ba giải thích đều rất chí lý, tùy người học lấy bỏ.

Thập thiện, Nêu chung ngăn dứt, và làm. Ngăn dứt thì chỉ hay ngăn các ác trước không quấy não người khác. Làm thì đức cao quý được lợi an. Tất cả gọi chung là thiện. thiện là nghĩa thuận lý, dứt điên đảo, về chân. Nên nói thuận lý. Đây là ngăn dứt mười ác, là chính nêu văn kinh, tức là không giết hại cho đến không tà kiến... đều là ngăn các việc ác trước. Còn nếu phóng sinh, bố thí, kính lễ, nói thành thật, nói lời hòa hợp, nói lời êm ái, nói lời có ích, quán bất tịnh, từ nhẫn, trí tuệ... thì gọi là làm thiện. Thứ lớp đối không sát đạo dâm vọng, lưỡng thiệt, ác

khẩu, ý ngữ, tham, sân, si... mà nói. Bốn thứ sau là ước bốn giáo, ngài Kinh Khê nói: Nghĩa ngăn dứt ác là chung, từ hạnh nguyện là riêng.

Hỏi: Thập thiện này cùng với Thi-la trước đồng hay khác? Nếu đồng thì sao lại nhờ nêu tướng riêng là sao?

Đáp: Thi-la tương thông đối với một người mà nói. Nay là mười thứ là đối với nhiều người. Tiêm sư nói văn trước, trong trì giới nói thập thiện, là ước mười thiện trên lại thêm trì giới, còn đây chỉ riêng tu thập thiện mà không thọ luật nghi.

“Khiến không ...” là giải thích riêng. Đọc suốt nguồn tâm. Tu nhân, nêu ý phân chương là mười ba phen giúp nhau thành nhân tịnh độ. Ngài Kinh Khê nói: Trước giúp phen thứ hai cho đến thứ mười hai. Trong mười ba phen xét kỹ đầy đủ như trong giải thích sau: Trên từ trực tâm... là trên giải thích các hạnh, các hạnh so nhau nên gọi là ngang. Mỗi mỗi đều từ thế gian đến viên. Nghĩa ấy tuy đọc nhưng kinh chỉ một lần nêu thẳng mà thôi. Cuối cùng thành hạnh ngang. Hướng tuy đọc mà giải thích. Nhưng chỉ căn cứ giáo phán quyết cạn sâu không đồng. Thế nên tận nguồn cội mà tìm xét tâm niệm khiến từ hạnh cạn mà thấy ngang lý sâu, mới gọi là đọc. “Một căn cứ ...” là tùy chương giải nghĩa, Ước giáo. Ngài Kinh Khê nói: Khiến ra ngoài Viên giáo tận nguồn cội dễ hiển sáng, nên cần ước ba giáo mà giải thích thành hạnh đọc. Chọn bày: Trong kinh Thanh văn không có mười phương Phật, song tông Tiểu thừa chấp không đồng. Cũng có người nói có. Như Đàm-vô-đức Giới Bồ nói: “Cúi đầu kính lễ chư Phật”. Lại định Tiểu thừa thì trong ánh sáng thấy được mười phương Phật. Đây đều là nói có. Tát-bà-đa Giới Bồ nói: Kính lễ Đấng Thích sư Tử, thì không nói chư Phật, ấy là không có mười phương. Song phần lớn đều nói không. Nên nay nói không. Người xưa nói trong Tứ phần, phần chung Đại thừa, là thấy ở đây nói mười phương Phật, nhưng không biết tông Tiểu thừa mỗi phái chấp có khác. Về ngài Thân Tử nghi. Ngài Kinh Khê nói: Trong giáo tam tạng không có giáo tịnh độ, nhưng vì lấy phiền não nhuận nghiệp mà sinh, cho nên ở uest độ mà thành Phật, không làm lạ khi nghe Đại thừa nói có tịnh độ. Cho nên khiến ngài Thân Tử do đó nổi nghi. Lại dựa vào Đại thừa mới có việc biến đất, cho nên dùng bấmd đất để trách Thân Tử, đâu thành giúp nghi cho Thân Tử. Nếu trong Tam tạng giáo mà lập giáo tịnh độ cùng giáo xưa trái nhau, thì Phật không do đâu mà giải nghi cho Thân Tử.

Vô hạnh vô nhân, là có hạnh Lục độ mà không có giáo tịnh độ. Giáo không và hạnh thiếu thì trọn không thể thành Phật. Không có

nhân tịnh độ, không có Phật của hạnh là có giáo mà không người. Hạnh Lục độ có nhân mà không quả hành đã không quả thì trở thành không hạnh.

Hỏi: Nếu thế vì sao trước giải thích trực tâm... mà vẫn đều đủ năm. trực tâm của thế gian còn thành hạnh Bồ-tát, Tam tạng vì sao lại bỏ mất mà không nói là hạnh ư?

Đáp: Từ bốn thì có, dựa vào tích mà nói thì không. Có giáo mà không người còn có thể tin vậy. Cần phiếm luận là Thông Biệt, hai giáo cũng không phải chánh ý, chỉ có thể phiếm luận để xét lường.

“Nay là...” là chánh giải thích, Thông giáo. Ngài Kinh Khê nói: Ước Thông giáo mà giải thích. Trước lấy trực tâm đối Kiến địa mà nói Đẳng địa thấy lý là thế nào? Đáp: Ở Thông giáo thì Bồ-tát thượng căn Sơ địa thấy chân, nghĩa ở ba người cùng vị kiến chân. Nhập Địa thứ ba là thâm tâm, đây là trong mười ba cú nói: thâm tâm, không phải là thâm tâm của ba tâm trước. Cho nên thâm tâm trước chỉ là thâm tâm mới phát. So với người Thanh văn nên được tên là thâm mà thôi. Thứ tư ...” nói sự lý đều làm cho đến trí tuệ để đối Thập địa đều từ thành tựu Biệt mà nói riêng. Sơ tâm của Thông giáo thì lý sự đều làm cũng phải hợp, có giáo hóa điều phục cho đến khởi căn, nên được gọi là xứ biệt. Cho nên riêng đối để thành nghĩa dọc. Thông giáo còn thế, huống lại Viên giáo ư?

Nói Thiện Tuệ, là mượn tên riêng để gọi chung, cho nên về Địa chẳng cần nêu tên, chỉ nói Sơ địa cho đến Thập địa. Chỉ có thứ chín thì tạm mượn tên riêng. Đến Thập địa thì gồm ba cú sau cùng kết thành Địa. Mượn mười Địa này, chính là mượn riêng vậy. Văn kinh chỉ nói từ đầu đến cuối tuy không có tên Địa, nhưng đã nói Đẳng địa thì đã thấy chân lý, đâu phải chỉ dùng tên cần tuệ... Sơ địa của Thông giáo chưa gọi là trực, cho nên có thể mượn Biệt mà gọi thông. Sơ địa đoạn kiến vẫn thành nghĩa Thông. Lại còn Thông giáo thì Địa tiền, không có Hiền. Cho nên Địa thứ mười bao gồm cả ba cú. Hai Địa trước đều gọi là trực, cho nên khiến Địa thứ mười bao gồm cả ba cú.

Hỏi: Bồ-tát của Thông giáo có hạnh Tịnh độ, thì Bồ-tát biết là có mười phương chư Phật, còn Nhị thừa thì thế nào?

Đáp: Tuy đồng một giáo nhưng Đại Tiểu khác nghĩa. Nhị thừa thì đạo lý không hợp biết. Tuy cùng Nhị thừa đồng chứng giải thoát nhưng tự hạ mình không phát, vì vĩnh viễn không cầu. Lại Bồ-tát tuy biết có Phật cũng dứt hẳn. Dứt hẳn cho nên cùng nghĩa nhận lấy cõi nước trái nhau. Cho nên biết Phật này không người mà có giáo. Giáo đã quyền

lập không gọi nhân hạnh. Cho nên ở quyền giáo không cần hết khổ.

Biệt giáo, có hai: a, Đối vị Thập địa. b, Đối mười bốn Bát-nhã. Ngài Kinh Khê nói: Giải thích xong đem các cú đối Địa. Kế lại ước mười bốn Bát-nhã, là đối biên mà khai hợp để tiện gọi tên nên hợp lý, nên tên thông cả đầu cuối. Nên hợp Địa tiên, là hợp ba mươi tâm làm ba, sau lấy Đẳng giác thành bốn, khai mười Địa thành mười nên có mười bốn. Số bốn nói gồm Địa tiên, thì chữ này là lầm vậy. Nếu nương mười bốn Bát-nhã, song muốn giải thích để nêu lý tức như văn từ trước nay đã nêu, thế nên một nhà giải nghĩa, lấy nghĩa giải văn, ắt không dùng tên mà chỉ hạn cục ở nghĩa. Nên nói không đến thì không thông. Cho nên biết dùng tên mà hạn cuộc nghĩa thì không Viên giáo, Chê biệt. b, “Nay vì...” là hiển bày Viên, Căn cứ sơ trụ, Chánh bày các cú. Trí tịch chiếu, là từ Sơ địa đến Đẳng giác chỉ gọi chiếu tịch, còn một vị diệu giác mới gọi tịch chiếu. Nên kinh Anh Lạc nói: Đẳng giác chiếu tịch, diệu giác tịch chiếu. Nay ước nghĩa Viên thì đầu cuối cùng có, ở môn chữ A đủ tất cả nghĩa. Cho nên biết sơ trụ từng phần có tịch chiếu từng phần nhập Tịch quang. Nếu ước văn trước thì dùng tịch nhãn ba phẩm phối hợp với ba Tịch quang. Nay đây bèn dùng sơ trụ lý hiển gọi là hạ Tịch quang, Nhị Trụ trở lên gọi là trung phẩm, chỉ có Phật mới gọi là thượng. “Nên biết ...” là kết Viên dung.

Bốn mươi một chữ, thì trong Đại phẩm, bốn mươi hai chữ dùng dụ cho Viên vị. Điều đầy đủ các môn, ngài Kinh Khê nói: Đối với mười hai cú, mỗi cú khắp nhiếp mười bảy cú trước, cho đến mười vạn tất cả Phật pháp. Cho nên cú cú ...” tùy việc nói mà nghĩa thông ngang dọc. Phát tâm chánh hạnh... là bậc sơ tâm của Viên giáo phải ở sơ trụ mới được vô sinh. Đã đoạn vô minh hợp lý thì chỉ ở trong cõi quả báo. Phụ là nhận cơ hóa độ hai cõi dưới, tức là phương tiện và Đồng cư nào có ngại gì. Cũng được hóa độ một phần cõi Tịch quang. Hai cõi dưới không phải chánh nên gọi là phụ. “Sơ trụ ...” là dựa vào vị sau.

